

Học tập thích ứng: Một mô hình đồng quản lý thiết thực



Những bài học kinh nghiệm tiêu biểu ở Nam và Đông Nam châu Á



Lời cảm ơn

Bộ sách hướng dẫn này được hình thành từ một nhu cầu thực tế về việc tập hợp và chia sẻ rộng rãi những kinh nghiệm trong tiến trình thực hiện phương pháp đồng quản lý tương hợp (adaptive co-management) trong công tác quản lý nghề cá ở CHDCND Lào, Việt Nam, Thái Lan, Campuchia và bang Tây Ben-gan (Cộng hòa Ấn Độ). Bắt đầu từ năm 1999, các dự án về Học tập Thích ứng đã xây dựng, kiểm chứng và đánh giá phương pháp này trong nhiều hệ nguồn lợi khác nhau, và một số bài học thu được sẽ được trình bày chi tiết trong tài liệu ngắn ngủi này.

Chắc chắn rằng những kinh nghiệm và kết quả của sự hợp tác chặt chẽ giữa Công ty TNHH MRAG Ltd. (Luân-đôn, Anh), Chương trình RDC (Savannakhet, CHDCND Lào), Ủy hội Sông Mê-công (Viêng-chăn, CHDCND Lào), Trung tâm WorldFish (Penang, Malaysia), Cục Thủy sản và Cục Nông nghiệp Tây Ben-gan (Can-cút-ta, Ấn Độ) và Viện Nghiên cứu Thủy sản Nội đồng (Barrackpore, Ấn Độ) không thể đạt được nếu không có sự giúp đỡ và tham gia của đông đảo cộng tác viên. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cán bộ khuyến ngư của Cục Chăn nuôi Thủy sản Savannakhet (Lào), Cục Thủy sản và Cục Nông nghiệp Tây Ben-gan đã dành sự trợ giúp tích cực và nhiệt tình về nhân sự vào những thời điểm cần thiết. Bên cạnh đó, còn phải kể tới sự quan tâm và nỗ lực của người dân các làng bản đã tham gia vào những hoạt động và chia sẻ với chúng tôi kiến thức cũng như kinh nghiệm của họ, và chúng tôi rất lấy làm biết ơn vì điều đó. Chúng tôi cũng xin cảm tạ những đồng nghiệp gần xa đã dành thời gian đóng góp ý kiến phản hồi và bình luận cho tài liệu sơ thảo và các bản thảo sửa đổi bổ sung sau đó, cảm ơn Sáng kiến STREAM đã giúp chúng tôi biên dịch và phổ biến tài liệu này, Simon Bush với những bức ảnh minh họa và Jeff Eden với việc thiết kế biểu tượng dự án.

Các hướng dẫn trong sách này là kết quả của 2 dự án, 'Phương pháp học tập thích ứng trong phát triển nghề thủy sản' và 'Phát huy học tập thích ứng' do Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) tài trợ trong khuôn khổ Chương trình Khoa học Quản lý Nghề cá (FMSP). Những quan điểm nêu ra ở đây không hoàn toàn là quan điểm của DFID.

Để có bản in hoặc bản sao, xin liên hệ theo địa chỉ:

MRAG Ltd, 18 Queen Street, London W1J 5PN
Web Address <http://www.mragltd.com>
Telephone +44 (0) 20 7255 7755 Fax +44 (0) 20 7499 5388
E-mail: enquiry@mrag.co.uk

Mẫu trích dẫn:

Garaway, C.J. và Arthur, R.I. 2004. Học tập thích ứng: Một mô hình đồng quản lý thiết thực - những bài học kinh nghiệm tiêu biểu từ Nam và Đông Nam châu Á. MRAG Ltd. London

© 2004, C. Garaway, R. Arthur

Mục lục

Vì sao lại có bộ hướng dẫn này ?	4
Cấu trúc bộ hướng dẫn	5
PHẦN 1—NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	
Nguyên tắc 1: Trọng tâm của học tập	6-7
Nguyên tắc 2: Tất cả cùng học tập	8-9
Thiết lập nền tảng	10-11
Các giai đoạn của học tập thích ứng: Một khuôn khổ chung	12-13
Những điểm học tập chủ yếu (phần 1)	14
Một trường hợp nghiên cứu điển hình ở Nam Lào	15
PHẦN 2—CHUẨN BỊ HỌC TẬP	
Ai nên tham gia, và tham gia như thế nào: Xác định và đánh giá chủ thể liên quan	16-17
Các luồng thông tin: Triển khai một mạng lưới chia sẻ thông tin	18-19
Thu thập thông tin cơ bản ban đầu: Khuôn khổ “thể chế”	20-21
Xác định các phương pháp học tập: Quá trình lựa chọn	22-23
Thiết kế mô hình thử nghiệm: Phương pháp tiếp cận lấy con người làm trung tâm	24-25
Những điểm học tập chủ yếu (phần 2)	26
Một kết quả nghiên cứu trường hợp ở Tây Ben-gan	27
PHẦN 3—HỌC TẬP	
Khởi tạo thông tin: Chia sẻ trách nhiệm	28-29
Chia sẻ thông tin	30-31
Những điểm học tập chủ yếu (phần 3)	32
Đặc trưng của học tập thích ứng	33
PHẦN 4—ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP	
Đánh giá: Cốt lõi của việc cải tiến quy trình	34-35
Đánh giá: Quá trình và kết quả	36-37
Tính hiệu quả về chi phí của phương pháp học tập thích ứng	38
Những điểm học tập chủ yếu (phần 4)	39
PHẦN 5	
Chỉ dẫn nguồn và tư liệu tham khảo	40
Hướng dẫn và phương pháp luận	41
Kết nối với nhà nghiên cứu và tư liệu internet	42
Giới thiệu về các cơ quan, tổ chức tham gia dự án	43
Địa chỉ liên hệ	44

Ảnh bìa. Bình minh trên ruộng lúa vùng Champon (Savannakhet, CHDCND Lào). Người chụp: hSimon Bush

Biểu tượng dự án: Do Jeff Eden (j.eden@rbgkew.org.uk) thiết kế.

Ấn bản điện tử có thể tải xuống từ các trang web của MRAG (<http://www.mragltd.com>) và Chương trình Khoa học Quản lý Nghề cá (<http://fmisp.org.uk>).

VÌ SAO LẠI CÓ BỘ SÁCH NÀY?

Mục đích biên soạn

Trong vòng 5 năm trở lại đây, chúng tôi đã và đang áp dụng phương pháp “học tập thích ứng” trong việc quản lý các hệ thủy sản ở Nam và Đông Nam châu Á. Nguồn lợi thủy sản, cũng như nhiều loại tài nguyên thiên nhiên có thể tái tạo khác, thường rất phức tạp và linh hoạt về cả tính chất và cách thức quản lý chúng. Điều này có nghĩa rằng không phải lúc nào cũng có thể khẳng định chắc chắn về hướng đi của một hệ thống, hoặc có thể dự đoán chính xác được những kết quả của hoạt động quản lý. Tính bất ổn định của hệ nguồn lợi dẫn đến những điều kiện mà theo đó việc kiểm soát hoàn toàn đối với hệ thống là không thể thực hiện được.

Từ kinh nghiệm quản lý thu được đối với thủy sản nội đồng ở Nam Á và Đông Nam Á, chúng tôi nhận thấy sự thiếu vắng sự hướng đạo cần thiết cho những chủ thể tham gia quản lý trong những bối cảnh đặc thù. Những chỉ dẫn mà chúng tôi có được không chỉ đề cập đến một “phương thức tối ưu” mà còn dựa trên giả định rằng chúng ta đã có những nguồn lực cần thiết để thực hiện chúng. Điều này khác hẳn với loại hình hệ thống kinh tế - sinh học phức tạp và linh động thường đặc trưng bởi công nghệ thấp, kỹ năng hạn chế và thiếu nguồn lực tại chỗ mà chúng ta đã từng gặp. Trong những trường hợp như thế, chúng ta không thể xác định hoặc nắm bắt được các phương thức được gọi là “tối ưu”, và các nguồn lực cần thiết để thực hiện, kể cả khi những phương thức đó được xác định, cũng thường thiếu hụt.

Khi nhấn mạnh những hạn chế, chúng tôi tin rằng những hệ thống này cũng mang đến nhiều cơ hội. Những chủ thể khai thác nguồn lợi ở địa phương có thể không có điều kiện tài chính, nhưng có vốn tri thức phong phú về hệ nguồn lợi, cách thức quản lý chúng, về cộng đồng địa phương, nhu cầu của họ - và những tri thức này đều có thể sử dụng được. Thông thường, những hệ nguồn lợi như ruộng lúa hoặc hồ chứa đều rất phổ biến nhưng lại có những đặc trưng riêng về sinh học hoặc cách thức quản lý. Điều đó cho chúng ta cơ hội so sánh và học hỏi từ những điểm khác nhau giữa các hệ nguồn lợi ấy. Bên cạnh đó, khi có điều kiện, các cộng đồng và cá nhân sẽ tiến hành thực nghiệm các mô hình quản lý và từng bước cải tiến cho thích hợp với nhu cầu địa phương. Không chỉ thu được thông tin từ thực nghiệm, mà các cộng đồng và cá nhân còn

thấy được giá trị và lợi ích của cơ hội chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau. Những cơ hội này có khả năng được thúc đẩy bởi các nhân tố bên ngoài. Những nhân tố ấy có thể bổ sung cho những thuộc tính sẵn có, nhờ vào sự tiếp cận đối với các tri thức khoa học kỹ thuật giúp xúc tiến trao đổi thông tin giữa các chủ thể.

Những tình huống này theo chúng tôi không phải phổ biến ở các nước đang phát triển, và chưa hẳn các khuyến nghị đưa ra đều có tác dụng. Bởi vậy, những chỉ dẫn ở đây được xây dựng với mục tiêu là lấp kín những lỗ hổng nhìn thấy được, và là kết quả của sự mong đợi của chúng tôi về chia sẻ rộng rãi những kinh nghiệm tích lũy được. Những kết quả đạt được cũng cho thấy rằng, phương pháp “học tập thích ứng” có nhiều triển vọng cho công tác phát triển và đồng quản lý đối với nguồn lợi tự nhiên trong những điều kiện tương tự.

Học tập thích ứng là gì?

Chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn về vấn đề này ở các trang sau, nhưng nói ngắn gọn, kinh nghiệm quản lý các nguồn lợi có thể tái tạo được cho thấy rằng thông thường những lợi ích từ quản lý thường không đáp ứng được mong đợi, hoặc không lâu bền. Nguyên nhân là do các khuyến nghị về quản lý không được đưa ra, hoặc nêu theo kiểu áp đặt, và lại quá chung chung, không phản ánh hết tính chất phức tạp và bất ổn định của các hệ nguồn lợi địa phương. .

Học tập thích ứng là một phương pháp quản lý dựa trên sự thừa nhận tính bất ổn định mà chúng ta không phải lúc nào cũng có lời giải đáp. Thay vì tìm cách trấn áp tính bất ổn định đó, phương pháp này cố gắng giảm thiểu nó **song song** với việc quản lý nguồn lợi. Trong những trường hợp như vậy, việc tìm hiểu và giảm thiểu tính bất ổn định của hệ nguồn lợi đang được quản lý là thành phần quan trọng không thể thiếu của quản lý nói chung. .

Tính phức tạp

Tính bất ổn định

Nội dung bộ hướng dẫn

PHẦN 1 — Tổng quan

Phần này sẽ giới thiệu những nguyên tắc cần thiết và mô tả một số tác động của chúng đối với việc triển khai học tập thích ứng. Nó cũng bao gồm một số kỹ năng và nguồn lực cần thiết, cũng như những quy trình và thiết chế về mặt tổ chức làm nền tảng thực thi. Những giai đoạn chủ yếu của quy trình sẽ được khái quát hóa và cuối cùng là mục tóm tắt nội dung chương, với một ví dụ thực tế minh họa kết quả tích cực của phương pháp tiếp cận này.

PHẦN 2 — Chuẩn bị học tập

Phần này sẽ đi sâu vào những công việc cần chuẩn bị để phục vụ học tập, trong đó có những gợi ý về cách xác định chủ thể liên quan, thiết kế và xây dựng mạng lưới trao đổi thông tin giữa các nhóm chủ thể khác nhau. Tiếp đó là một đoạn mô tả về cách xác định những gì cần học và có thể học được, và sau cùng là mục tóm tắt nội dung chương.

PHẦN 3 – Quá trình học tập

Sau khi kết thúc những công việc chuẩn bị ở phần trước, sang phần này, quá trình học tập sẽ được phân tích kỹ lưỡng. 2 khía cạnh chính được nêu ra ở đây là bằng cách nào có thể tạo ra thông tin, và bằng cách nào để chia sẻ chúng. Các ví dụ cụ thể sẽ được trình bày trước khi tóm tắt

PHẦN 4 — Đánh giá học tập

Không có quá trình nào là hoàn chỉnh nếu không có sự đánh giá, điều này không có ngoại lệ. Phần này sẽ tập trung vào các phương pháp đánh giá kết quả và toàn bộ quá trình học tập nói chung. Sự đánh giá này là chìa khóa để nâng cao chất lượng thông tin và củng cố năng lực học

PHẦN 5 — Hướng dẫn tìm nguồn tư liệu và tham khảo

Phần cuối cùng của tài liệu hướng dẫn sẽ cung cấp thông tin chi tiết về những tài liệu tham khảo hữu ích và địa chỉ liên hệ của các cơ quan, tổ chức hữu quan.

Tài liệu hướng dẫn này phục vụ ai, và nên được sử dụng như thế nào?

Tài liệu này được soạn để phục vụ cho tất cả những người có liên quan đến việc quản lý nguồn lợi tự nhiên có thể tái tạo ở các khu vực đang phát triển, kể cả các tổ chức và cá nhân tham gia hoặc đang dự định đóng góp vào việc giúp đỡ các cộng đồng học hỏi nhằm quản lý có hiệu quả hơn đối với những tài nguyên thiên nhiên mà họ có.

Chúng tôi nhận thấy rằng không có tình huống nào hoàn toàn giống một tình huống nào khác, vì vậy, chúng tôi coi tài liệu mà mình soạn ra như một hộp công cụ giúp phác thảo một quy trình và minh họa bằng những phương pháp hữu ích cũng như cách thức áp dụng chúng. Chúng tôi cố gắng không áp đặt mà chú trọng nhiều vào cách thức tiến hành đồng quản lý thích ứng theo những nguyên tắc làm cơ sở cho việc học tập, các bài học từ kinh nghiệm triển khai mà chúng tôi thu lượm được. Chúng tôi hy vọng độc giả thấy được những điều này là hữu ích, và khuyến khích những người sử dụng thay đổi chúng cho phù hợp với nhu cầu của mình.



Ảnh: Người dân cấp thôn bản và cán bộ cấp huyện ở tỉnh Khăm-muộn (CHDCND Lào) ghi chép sản lượng khai thác sau một ngày đánh bắt cá. (Nguồn tư liệu: R. Arthur và C. Garaway).

TRỌNG TÂM CỦA HỌC TẬP

Định nghĩa khác nhau về thuật ngữ “cộng đồng”.

Đồng quản lý

Một điều ngày càng được thừa nhận là hình thức đồng quản lý đối với tài nguyên thiên nhiên, nơi mà việc chia sẻ trách nhiệm hoặc thẩm quyền quản lý giữa chính quyền và các “cộng đồng” địa phương (xem chú thích ở lề trái) tham gia khai thác nguồn lợi đã minh chứng hoặc có thể dẫn đến việc quản lý nguồn lợi hiệu quả hơn. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, đặc biệt ở những địa bàn mà việc kiểm soát khai thác nguồn lợi đòi hỏi phải có sự tham gia của cộng đồng, thì đây chính là nhân tố cốt yếu bảo đảm cho quản lý hiệu quả. Có một điểm quan trọng cần chú ý: “đồng quản lý” ở đây được hiểu là việc **cùng ra quyết định** mà không phải chỉ đơn giản là chia sẻ trách nhiệm triển khai hoạt động, thu thập số liệu hay đảm bảo thi hành việc quản lý. Điều đó có nghĩa rằng, để ra được những quyết định tích cực, cộng đồng cần phải được cung cấp thông tin đầy đủ.

Vì sao phải học tập?

Có thể ý kiến này không được ủng hộ, nhưng sự thật là quá trình quản lý các nguồn lợi tự nhiên có khả năng tái tạo thường diễn ra trong tình trạng thiếu thông tin. Các hệ nguồn lợi tự nhiên thường vô cùng phức tạp và sự tương tác lẫn nhau giữa nguồn lợi và người sử dụng thường chỉ được nhận thức ở mức độ hạn chế. Ngoài ra, các hệ nguồn lợi cũng thể hiện những đặc trưng riêng của từng địa phương rất khó khái quát hóa. Sự thất bại của những giải pháp chung thường được gọi là “kế hoạch hành động” chung cho những môi trường phức tạp và bất ổn định đã dẫn tới nhu cầu ngày một bức thiết về các phương thức quản lý mới, như học tập thích ứng chẳng hạn, để có khả năng giải quyết linh hoạt hơn các vấn đề riêng biệt cho từng địa phương.

Cội nguồn của phương pháp học tập thích ứng được bắt đầu từ giữa những năm 1970, được phát triển riêng rẽ trong các lĩnh vực: quản lý nguồn lợi có khả năng tái tạo, quản lý chính sách kinh tế, và quản lý phát triển nói chung (xem chú thích ở lề trái). Ở những mức độ quan trọng khác nhau trong từng trường hợp, các phương pháp tiếp cận này gặp nhau ở những ý tưởng chung quan trọng: Hoạt động quản lý là rất cần thiết, cho dù kiến thức

có thể chưa hoàn chỉnh, và do vậy quản lý cần phải được coi là một bộ phận trong quá trình học tập có hệ thống, ở đó quản lý và học tập diễn ra cùng một lúc.

Hình thức tiếp cận này có tính trái ngược so với các phương thức truyền thống, đặc biệt là đối với các hệ nguồn lợi tự nhiên, nơi mà nghiên cứu và học tập thường tách rời khỏi quá trình ra quyết định, và đòi hỏi phải học tập trước khi quản lý.

Học tập là gì?

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về tính chất của việc học tập, cũng như đối với học tập theo tổ chức và tổ chức học tập – những vấn đề có mối liên hệ mật thiết ở đây (xem chú thích lề trái). Do có rất nhiều quan điểm khác nhau, một điểm khái quát chung mà chúng tôi thấy có lợi cho học tập thích ứng (như được sử dụng trong cuốn sách này) là phải coi đây là một quá trình gồm 3 giai đoạn: khởi tạo thông tin, chia sẻ thông tin và sử dụng thông tin (xem sơ đồ). Sơ đồ này được vẽ thành hình tròn, thể hiện rằng việc triển khai những kết quả từ học tập có thể tạo ra nhiều thông tin hơn ngay trong lòng và về chính bản thân quá trình đó.

Khởi tạo thông tin

Khởi tạo thông tin là việc tạo mới hoặc làm giàu thêm những thông tin chưa có hoặc sẵn có. Trong quản lý nguồn lợi tự nhiên, những thông tin này có thể tạo ra bằng hai con đường: quan sát và phân tích những biến đổi trên hệ thống quản lý hiện tại (khởi tạo thông tin thụ động), hoặc, quan sát và phân tích những biến đổi qua những tác động có chủ đích vào các hệ thống quản lý để phục

Các kiến thức cơ bản về các hướng tiếp cận trong quản lý và quá trình học tập được trình bày ở Phần 5.

Ảnh: Phân tích mẫu số liệu các hệ thống nuôi cá lóc nước lợ ở Tây Bengal (Nguồn: R. Arthur).



NGUYÊN TẮC THỨ NHẤT

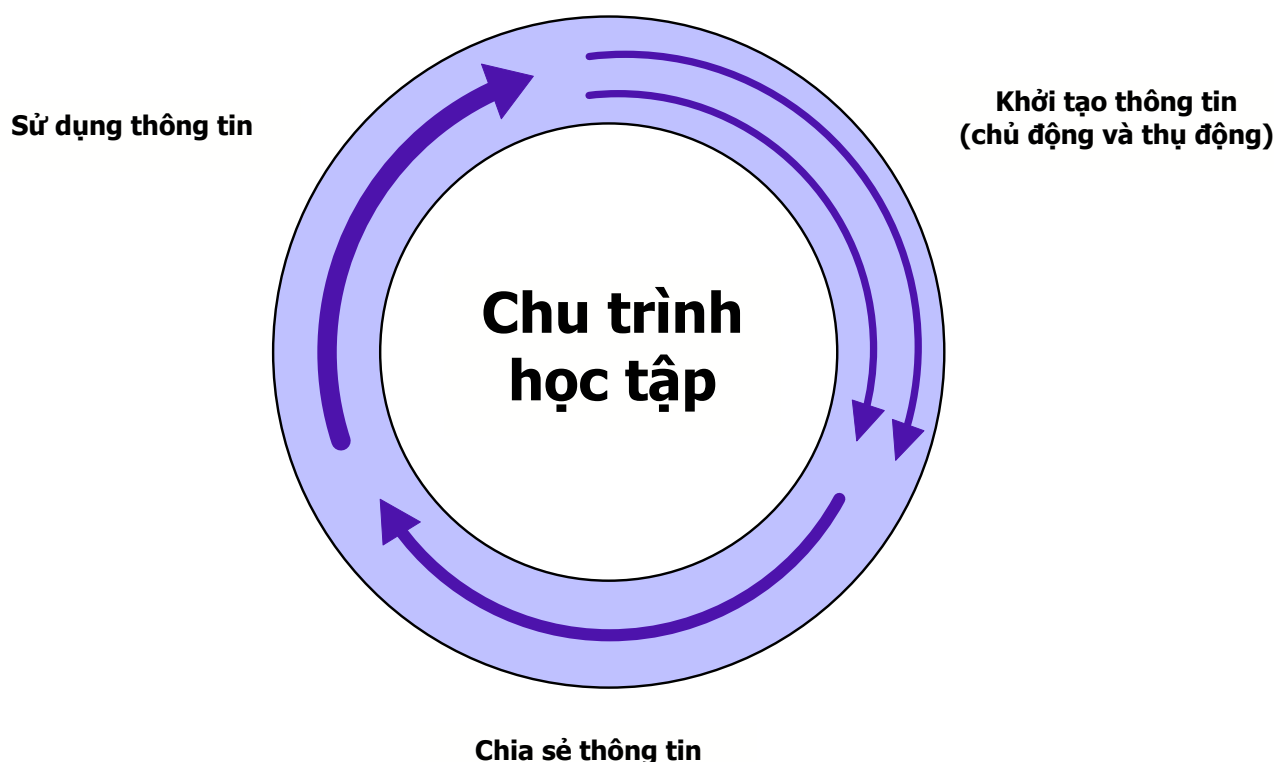
vụ cho việc học tập (khởi tạo thông tin chủ động). Trong cả hai trường hợp trên, những biến đổi có thể diễn ra theo thời gian hoặc không gian. Tuy nhiên, điều quan trọng là biến đổi đó phải ở mức độ đáng kể để gây ra phản ứng trái chiều (xem trang 24 để biết thêm về công việc thiết kế thí nghiệm)

Chia sẻ và sử dụng thông tin

Học tập theo nhóm không thể xảy ra nếu thông tin chưa được chia sẻ và tổng hợp theo

Kinh nghiệm của chúng tôi cho thấy rằng, ngoài việc phải coi học tập là quá trình gồm 3 giai đoạn, còn có 2 điểm mấu chốt khác liên quan đến cốt lõi của quá trình học tập. Những điểm này cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của phương pháp tiếp cận mà chúng ta đang theo đuổi, và xuyên suốt nội dung của tài liệu hướng dẫn, đó là:

- ♦ Kết quả của quản lý không chỉ liên quan đến những tác động kỹ thuật mà còn liên quan đến việc người dân khai thác, sử dụng và tương tác với hệ nguồn lợi như thế nào. Do đó, chúng ta cần tìm hiểu



một cách thức khiến cho chúng được phổ biến rộng rãi và có tính bao quát cho cả các tình huống mới. Chúng tôi rất tin tưởng rằng việc chia sẻ thông tin cũng quan trọng không kém so với việc khởi tạo thông tin. Ai sẽ được chia sẻ và sử dụng thông tin, cũng như tác động của chia sẻ thông tin, những vấn đề này sẽ được đề cập chi tiết ở các trang sau.

Những nội dung học tập cốt lõi

toàn hệ thống cả ở góc độ kỹ thuật và xã hội.

- ♦ Quá trình học tập cần phải xuất phát từ nhu cầu và phù hợp. Trọng tâm của việc học tập phải đặt lên những điều mà cộng đồng cần biết, và bên cạnh đó, các hoạt động về thu thập thông tin không được phép gây ra sự xáo trộn khiến cộng đồng khó chấp nhận.

TẤT CẢ CÙNG HỌC TẬP

Ảnh: Các cán bộ CIFRI và Cục Thủy sản đang trao đổi về việc sử dụng đất theo mùa với ngư dân làng Tangramary bang Tây Ben-gan (Nguồn: R. Arthur) .

Trong phần trước, chúng ta đã khẳng định nhu cầu phải khuyến khích sự tham gia của cộng đồng sử dụng nguồn lợi trong quá trình khởi tạo thông tin, nếu muốn các thông tin đó phản ánh chân thực những nhu cầu của chính họ chứ không phải là những nhu cầu mà chúng ta giả định. Tuy nhiên, để chuyển kết quả học tập và nghiên cứu thành hành động quản lý, cần có sự trợ giúp của một nhóm chủ thể khác không tham gia vào quản lý trực tiếp - đó là các nghiên cứu viên.

Mối quan hệ hợp tác có lợi cho học tập

Khái niệm chủ thể tham gia và phân tích chủ thể sẽ được trình bày ở trang 16.

Một mối quan hệ hợp tác trong học tập giữa các chủ thể, từ các cơ quan quản lý, các tổ chức phi chính phủ, đến người dân địa phương và nghiên cứu viên có thể được xây dựng dựa trên những điểm mạnh, những kỹ năng và tri thức của mỗi loại chủ thể, từ đó nâng cao được chất lượng và mở rộng được phạm vi học tập, cũng như tăng số lượng những người được hưởng lợi từ quá trình ấy. Chúng tôi đã xác định được 3 nội dung cần ghi nhớ khi xây dựng mối quan hệ này với các nhóm chủ thể khác nhau.

1. Người dân chỉ cùng nhau làm việc khi họ

Ảnh: Những người đã được bồi dưỡng năng lực cần tham gia giám sát và bảo đảm thực hiện các quy định – lều canh và thuyền tuần tra thủy vực ở Tây Ben-gan (Nguồn: R. Arthur) .



thấy được lợi ích của việc hợp tác

Mặc dù điều này có vẻ như hiển nhiên, nhưng trên thực tế lại thường bị bỏ qua. Đôi khi chúng ta cho rằng mình có những ý tưởng hay có thể dễ dàng thuyết phục được người dân hợp tác với nhau hoặc hợp tác với chúng ta để làm theo, nhưng phải cần một thời lượng đáng kể để vận động sự tham gia đó đối với quá trình học hỏi thích ứng. Bởi vậy, nên có sự cam kết về tính minh bạch, về việc phát triển kỹ năng, phát huy vai trò và kể cả những giải thích cần thiết. Điều này có ý nghĩa sống còn. Chỉ khi thực hiện được việc này, chúng ta mới có thể xây dựng được lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau, kết hợp được kiến thức ở các lĩnh vực khác nhau – điều đó rất quan trọng cho sự thành công của mô hình đồng quản lý.

2. Bắt đầu từ những gì có sẵn

Quá trình xây dựng mối quan hệ hợp tác trong học tập cần phải dựa vào những gì sẵn có. Có nghĩa là, chúng ta cần thiết lập quan hệ dựa trên những điểm mạnh hiện có, chứ không hẳn là khắc phục thiếu sót hay chú trọng vào các điểm yếu.

Nhu cầu đặt ra hiện nay là phải thừa nhận những quan điểm khác biệt, những kỹ năng và kiến thức của các chủ thể tham gia và vận dụng vào việc xây dựng nền tảng cho quan hệ đối tác. Sự hợp tác giữa chính quyền, các

NGUYÊN TẮC THỨ HAI

Điểm mạnh	Cộng đồng địa phương	Chính quyền	Các nghiên cứu viên
Khả năng xây dựng các quy định về quản lý	☑☑☑	☑☑	
Khả năng giám sát và bảo đảm thực hiện các quy định	☑☑		
Nhận thức về nguồn lợi và nhu cầu của địa phương	☑☑☑	☑☑	☑
Tri thức khoa học	☑	☑☑	☑☑☑
Kỹ năng nghiên cứu theo truyền thống		☑	☑☑☑
Sự tiếp cận đến những khối kinh nghiệm của người khác	☑	☑☑	☑☑☑
Nguồn tài chính	☑	☑	☑☑
Khả năng tập hợp các chủ thể có liên quan để họ chia sẻ thông tin với nhau		☑☑	

Bảng trái mô tả những điểm mạnh (tương đối) của các chủ thể liên quan ở Nam Lào.

nhà quản lý, cán bộ nghiên cứu và những người khai thác - sử dụng nguồn lợi sẽ đem lại lợi ích to lớn nhưng đây cũng đồng thời là một thách thức không nhỏ. Thông thường, đây là trường hợp một nhóm người có quan điểm, phương pháp tư duy và cách làm việc dị biệt. Giải quyết được thách thức này là thành tố căn bản của học tập thích ứng.

Bảng trên cho thấy những kỹ năng và điểm mạnh của các chủ thể khác nhau mà chúng tôi đã phát hiện được trong đợt nghiên cứu ở Lào. Việc xác định sớm thuộc tính của những điểm mạnh, điểm yếu đó cho phép chúng tôi làm rõ được vai trò và phương pháp luận trong tạo lập thông tin cho từng nhóm dân cư. Các phương pháp này sẽ được trình bày ở trang 16 và 17.

Như độc giả có thể thấy, những điểm mạnh có sự khác nhau, nhưng nếu việc lập kế hoạch được làm một cách cẩn trọng, thì chúng sẽ bổ trợ cho nhau và nhờ đó tăng cường tiềm năng học tập trong suốt quá trình **nghiên cứu có sự tham gia cộng đồng** (xem lễ phải) .

3. Xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin phù hợp

Thông tin cần phải được tạo lập và chia sẻ theo một hình thức phù hợp và kịp thời. Điều đó có nghĩa là, phải thúc đẩy quá trình học tập qua những cách làm phù hợp với điều kiện địa phương, và tạo ra những cơ chế cho phép người dân tự mở rộng hiểu biết và kiến thức của họ. Điều này đòi hỏi phải có một chiến lược truyền thông rõ ràng ngay từ ban đầu, trong đó xác định những con đường, phương pháp và phương tiện trao đổi thông tin tối ưu cho các nhóm chủ thể. Xác định được điểm mạnh, điểm yếu của các chủ thể khác nhau cho phép chúng ta xác định được các vấn đề phương pháp luận cần thiết để chia sẻ thông tin có hiệu quả. Những vấn đề này sẽ được trình bày trong các phần sau.

Các kỹ thuật áp dụng trong nghiên cứu có sự tham gia cộng đồng đã được tổng kết chi tiết (xem mục tài liệu tham khảo ở Phần 5). Một số ý tưởng sẽ được thảo luận trong sách này.

THIẾT LẬP NỀN TẢNG

Ảnh: Xác định và thảo luận về nhu cầu và khả năng trong một cuộc hội thảo : RDC 2001
(Nguồn: R. Arthur và C. Garaway).

Phát triển quan hệ hợp tác cho việc học tập?

Những trang trước đã nói về những nguyên tắc chủ yếu của việc học tập thích ứng, song, trước khi khởi đầu, nên xem xét những gì cần thiết để thực hiện thành công phương pháp học tập này. Điều kiện là những ai sử dụng nguồn lực địa phương đang quản lý hay đồng quản lý tài nguyên của mình hoặc đang quan tâm đến việc làm đó. Tổ chức của quý vị cũng phải tham gia, làm việc cho những đối tượng đó, vì nếu không bất cứ việc học tập tập thể nào cũng vô nghĩa. Nhưng vẫn còn những vấn đề khác cần suy nghĩ. Những nội dung trình bày và câu hỏi sau đây sẽ giúp quý vị và đồng nghiệp xác định và bàn luận về khả năng và nhu cầu học tập hiện nay của quý vị. Tuy không thật quá quan trọng lúc đầu, nhưng cũng có trường hợp cần giải quyết để tạo kết quả tốt cho cách học tập tập thể. Điều quan



trọng là phải rất thực tế về những gì có thể thực hiện ngay và từ đó xây dựng cho tương lai. Thay đổi đột ngột quá nhiều trong các tổ chức không thể bền vững bằng những bước đi nhỏ nhưng vững chắc dựa trên khả năng hiện tại.

1. Phương pháp yêu cầu tất cả đều sẵn sàng cho học tập, không chỉ gồm các cá nhân, mà, rất quan trọng, cả chính bản thân các tổ chức. Việc trung thực học tập trong nội bộ một tổ chức có thể thể hiện bằng nhiều cách. Dưới đây là một số đặc điểm cần chú ý

Đặc điểm tổ chức	Vài câu hỏi mẫu để suy nghĩ
Cởi mở với những đánh giá, phê bình	a. Có lập quy trình theo dõi hoạt động của tổ chức không? b. Có tổ chức hội họp đều đặn để đánh giá kết quả các hoạt động đó và mọi người có được trao cơ hội tham gia không? c. Tổ chức có khuyến khích mọi người hãy trung thực nói hết về những "thất bại" và xem đó là bài học kinh nghiệm không? Hay thất bại đó xem như tiêu cực cần giấu kín? d. Có tham gia bàn luận phương pháp cải tiến việc thực hiện không?
Cam kết phát triển kỹ năng và nâng cao năng lực học tập của cán bộ	a. Trong tổ chức quý vị có hệ thống huấn luyện tại gia không? b. Cán bộ có đều đặn tham gia các khoá huấn luyện ngoài tổ chức của quý vị không? c. Những khoá huấn luyện đó có tăng cường kỹ năng học tập không? d. Cán bộ có được thông tin về các phương án huấn luyện cho họ không và có được khuyến khích tham dự không?
Cơ chế chia sẻ thông tin	a. Có sẵn những cấu trúc và quy trình để cán bộ chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm đều đặn không? b. Có hệ thống phản hồi để chia sẻ hiểu biết mới không?
Linh hoạt về tổ chức	a. Nếu sau quá trình tham gia của các bên liên quan, cần thay đổi kế hoạch ban đầu, tổ chức của quý vị có thể thích ứng nhanh không và đến chừng mực nào? b. Có thể quay về những mục đích đầu tiên không? về phương pháp làm việc? về người cộng tác? về ngân sách hay về thời gian?

Thông tin về tổ chức học tập ở Nam và Đông Nam Á xin xem phần 5

2. Học tập thích ứng yêu cầu tập hợp được các bên nhằm vốn tạo ra một sân chơi cho mọi người tham gia thực sự có ích. Là một tổ chức thực hiện học tập thích ứng, quý vị sẽ giữ vai trò chủ yếu tạo ra quá trình đó. Sau đây là vài cơ chế tạo điều kiện.

Đặc điểm tổ chức	Vài câu hỏi mẫu để suy nghĩ
Hình thành các đầu mối thông tin	a. Có trực tiếp tiếp xúc với các chủ thể liên quan không, và thiết lập mối quan hệ ra sao? b. Có phương pháp hữu hiệu để tiếp xúc và có gặp trực tiếp họ không? c. Giữa những chủ thể liên quan có liên hệ với nhau không, và thiết lập quan hệ như thế nào? d. Có quan hệ giữa các chủ thể liên quan không, hạn chế hay tốt? Có cách nào để cải thiện tình hình không?
Phương pháp thảo luận, trao đổi ý kiến với người có trình độ học vấn, văn hoá và dân tộc khác nhau.	a. Đã có phương pháp trao đổi với nhiều loại người khác nhau và có hiệu quả không? b. Có dành thời gian bàn bạc với mọi người trong nội bộ quý vị hay với các nhóm thiết thời không? cách nào tốt nhất để bàn bạc với họ? c. Cán bộ có được huấn luyện về kỹ năng giao tiếp không, và kỹ năng đó có được công nhận là quan trọng trong tổ chức quý vị không?
Địa điểm thích hợp cho thảo luận / hội nghị / hội thảo	a. Quý vị có đến được các nơi thảo luận ý kiến mà các chủ thể liên quan tham gia cảm thấy thoải mái không, và nơi đó có thích hợp, thuận lợi không? b. Có thể đến với họ không nếu họ không đến với quý vị? c. Có phương tiện, nguồn lực... để đưa các chủ thể liên quan đến hội họp không nếu họ không có?

3. Khi các công việc trên đã tạo được đủ điều kiện, sự tham gia sẽ không có ý nghĩa nếu các bên không quyết tâm với cam kết hay không đủ các nguồn lực và kỹ năng để quá trình diễn ra trôi chảy. Đạt được thoả thuận trong việc ra quyết định có sự tham gia cộng đồng thường là một việc khó khăn, mất thời gian và tốn kém.

Đặc điểm tổ chức	Vài câu hỏi mẫu để suy nghĩ
Quyết tâm và trách nhiệm của tổ chức	a. Việc bảo đảm các chủ thể liên quan tham gia ra quyết định phải chăng là phương châm của tổ chức quý vị và một phần phương châm của các tổ chức mà quý vị có trách nhiệm giải trình (Tài trợ, tổ chức bảo trợ..) b. Những hoạt động của tổ chức là "từ dưới lên" hay do trên chỉ đạo xuống? c. Có quyền hoạt động theo phương pháp "từ dưới lên không", nếu quý vị muốn thế? d. Tổ chức của quý vị có linh hoạt không (xem các câu hỏi trang 10)
Kỹ năng làm việc	a. Đã có kỹ năng tạo điều kiện cho việc hỗ trợ quá trình ra quyết định có sự tham gia cộng đồng (gồm các kỹ năng dẫn chương trình, dịch thuật, tạo dựng đồng thuận, thương lượng và giải quyết mâu thuẫn) chưa? b. Nếu chưa, có quyết tâm phát triển những kỹ năng đó không và đã biết nơi nào để tìm kiếm hỗ trợ bên ngoài chưa?

Thông tin về tổ chức học tập ở Nam và Đông Nam Á xin xem phần 5

Các giai đoạn của học tập thích ứng

Ảnh : Tập lập bản đồ nguồn lợi cho dân làng ở làng Kamar-danga - Tây Bengal để giúp hiểu biết chung về hệ thống nguồn lợi
(Nguồn: R. Arthur)

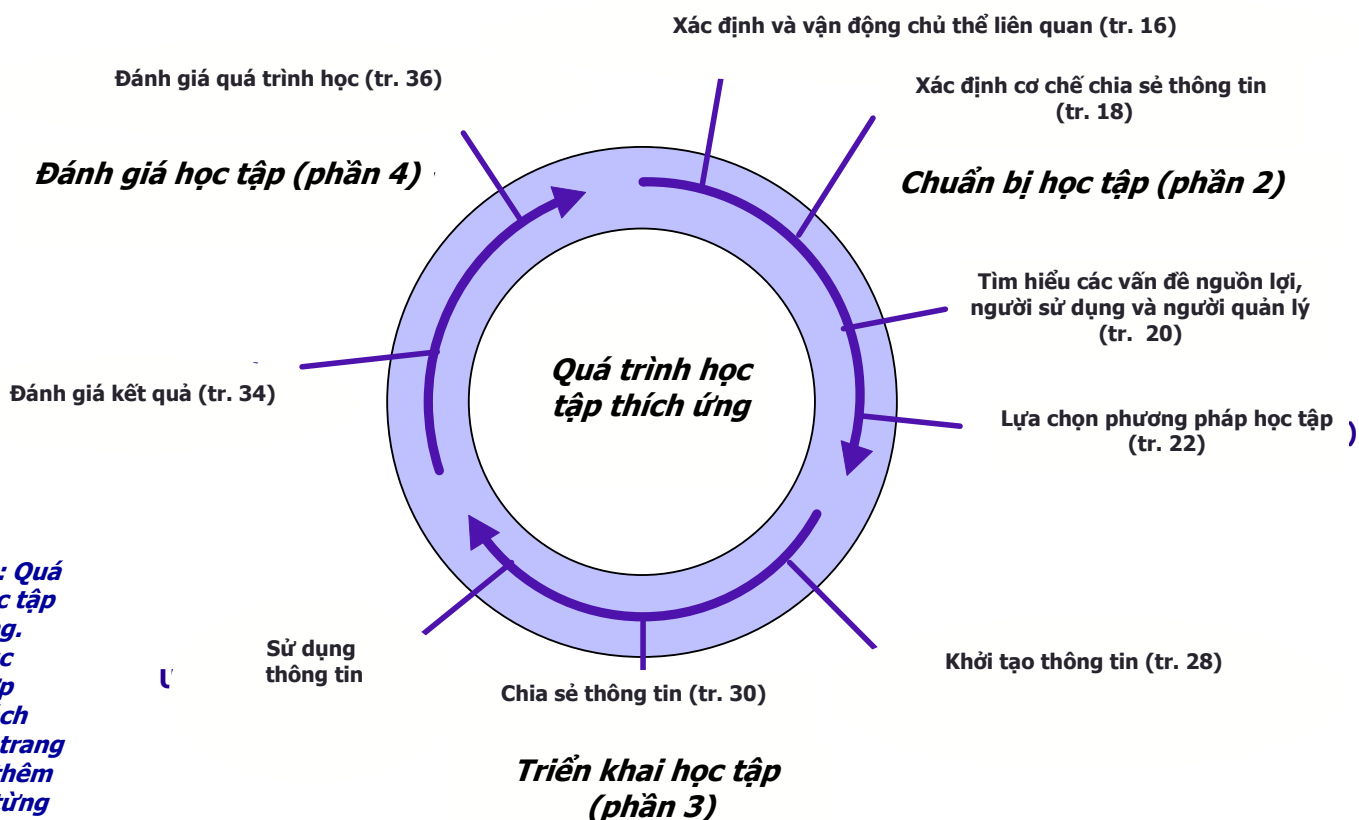
Biểu đồ trên trang này thể hiện tổng quan các giai đoạn của quá trình học tập thích ứng và khung các nội dung còn lại của tài liệu này. Về chu kỳ học tập, có 3 giai đoạn: chuẩn bị học tập, học tập và đánh giá học tập. Dưới đây sẽ trình bày từng giai đoạn, từng giai đoạn đó sẽ được trình bày mở rộng hơn trong 3 phần tiếp theo.

Chuẩn bị học tập

Giai đoạn 1 nói về chuẩn bị học tập (đầu bên phải biểu đồ) gồm 4 hoạt động khác nhau sẽ thực hiện: xác định và lôi kéo các nhóm chủ thể liên quan, triển khai tìm hiểu các hệ thống quản lý nguồn lợi sẽ giúp quý vị cùng với các nhóm tài trợ nhận ra những ưu tiên và những lỗ hổng hiện nay. Xác định các tuyến thông tin hiện hành và tính chất thông tin trao đổi giữa các bên tài trợ sẽ giúp người dân xác định thuận lợi và khó khăn trong việc phát và chia sẻ thông tin trong tương lai.



Chuẩn bị học tập là phần rất quan trọng của quá trình trong đó sẽ đưa ra những quyết định tập thể về thử nghiệm quản lý, thông tin nào cần phát ra và cách truyền



Biểu đồ : Quá trình học tập thích ứng.
Xem mục thích hợp trong sách hoặc số trang để biết thêm chi tiết từng phần của quá trình

Một khuôn khổ chung

thông tin. Trong đó cũng sẽ quyết định sẽ chia sẻ thông tin như thế nào, vai trò và trách nhiệm của từng nhóm chủ thể liên quan trong phần còn lại của quá trình. Trong khi nhiều quá trình tham gia có một quy hoạch hành động cho họ, chúng tôi cảm thấy rằng việc học tập thích ứng khác nhau chính ở trong quy hoạch đó gắn liền với học tập đó, nghĩa là học tập là mục tiêu của thực hành.

Các chiến lược học tập, dựa vào biến đổi hiện hữu hoặc tạo ra biến đổi đều phải dựa trên những nguyên tắc thiết kế thử nghiệm để bảo đảm rằng thực tế chúng sẽ tạo ra thông tin cần có.

Học tập

Như đã nói ở trên, học tập tập thể không những sản sinh ra thông tin mới (trong thực tế có thể thậm chí không cần) mà còn là phổ biến thông tin một cách hiệu quả đối với ai cần thông tin. Điều quan trọng là, phổ biến phải thực hiện sao cho thông tin đó có thể được tiếp thu sử dụng và phát sinh ra những tình hình mới.

Chỉ khi nào thông tin được tiếp thu thì mới có thể tạo ra tri thức mới và quản lý được thích nghi dưới ánh sáng của tri thức mới đó (sử dụng thông tin) thì học tập được hoàn tất. Giai đoạn học tập vì vậy không những gồm các hoạt động để sản sinh ra thông tin như theo dõi các hệ thống để thu thập và phân tích dữ liệu, mà còn là những phương pháp luận để chia sẻ chúng trong tất cả các bên liên quan.

Đánh giá học tập

Vào giai đoạn này, thông tin mới đã được sản sinh và hoặc chia sẻ và điều đó dẫn đến giảm bớt tính bất ổn, thích nghi và cải thiện quản lý nguồn lợi. Song việc đánh giá vẫn quan trọng. Chúng ta mong muốn có thể phản ánh những gì chúng ta đã học được, có nghĩa là thông tin thu được có đúng cái ta cần không? Nếu không, tại sao không? Chúng ta cũng muốn đánh giá chúng ta đã học như thế nào, nghĩa là các phương pháp ta sử dụng có ích trong việc tăng tri thức không? Nếu không, tại sao không? Thậm chí cả khi quá trình



ảnh: Đại diện thôn làng thảo luận kết quả thử nghiệm quản lý với cán bộ thủy sản huyện và tỉnh ở Nam Lào
(Nguồn : Arthur và C.Garaway)

thành công, thì những lợi ích thu được từ thông tin mới có đáng giá với chi phí bỏ ra để thu được không? Sự phản ánh có tính phê phán những kết quả và quá trình sẽ làm tăng sự hiểu biết, cho phép vận dụng phương pháp chậm và cải tiến sự thực hiện các lần sau của chu trình.



Ảnh: Dân làng hoàn tất các bảng câu hỏi để theo dõi hiệu quả của thông tin thông qua một cuộc họp tại làng Tangramary, Tây Bengan
(nguồn : R. Arthur)

Những điểm học tập chủ yếu (phần 1)

Cái gì?

- ♦ Học tập thích ứng là một phương pháp quản lý chấp nhận rằng những bất bênh/không chắc chắn về "thực hành tốt nhất" tồn tại mà chúng ta không thể trả lời tất cả. Thay vì che đậy những bất bênh không chắc chắn, phương pháp tìm cách giảm bớt chúng đồng thời quản lý nguồn lực. Cách tiếp cận đó khác với nhiều phương pháp quản lý cổ điển, đặc biệt trong lĩnh vực nguồn lợi, ở đó nghiên cứu và học tập thường tách khỏi quá trình ra quyết định, và nơi nhấn mạnh việc học tập trước khi quản lý.
- ♦ Như đầu đề đã chỉ rõ, phương pháp nhấn mạnh học tập được hiểu là một quá trình 3 giai đoạn gồm: sản sinh thông tin, chia sẻ thông tin và sử dụng thông tin.
- ♦ Học tập thích ứng là một dạng đồng quản lý, đòi hỏi ra quyết định có chia sẻ và trách nhiệm về thực hiện các hành động quản lý, thu thập dữ liệu và thực thi không phải chỉ của một người.
- ♦ Ra quyết định có chia sẻ đòi hỏi tất cả phải được thông tin đầy đủ, và thành phần chủ yếu của phương pháp là việc phát triển các cơ chế thông tin và chia sẻ thông tin và ý kiến một cách hiệu quả nhằm tạo ra quan hệ hợp tác học tập hữu hiệu.

lí đó.

- ♦ Phương pháp cũng hữu ích trong tình hình công nghệ thấp, kĩ năng kém và thiếu vốn. Trường hợp đó, không những chính "thực hành tốt" quản lý cũng hoặc chưa chắc chắn hoặc chưa biết đến, song thông thường nguồn lực để thực hiện lại thiếu.

Như thế nào?

- ♦ Trước khi thực thi, cần nghiên cứu kĩ lưỡng các đặc điểm quý vị và các tổ chức khác có thể tham gia quá trình. Những lĩnh vực cần xem xét kĩ là: tổ chức có sẵn sàng mở cửa cho học tập không; có các phương pháp thông tin và mạng lưới thông tin không? Và có thực sự muốn tham gia hay không? Không có những cái đó, không thể ngăn ngừa việc thực hiện phương pháp song sẽ hạn chế những gì làm xong. Cần phải hiện thực.
- ♦ Thực hiện phương pháp được công nhận là một quá trình 3 giai đoạn: chuẩn bị học tập, học tập và đánh giá học tập. Đó là nội dung của phần còn lại của những hướng dẫn này.

Ai?

- ♦ Tập thể học tập có thể gồm - song không hạn chế ở - việc hợp tác giữa chính phủ, các tổ chức phi chính phủ (NGO), người sử dụng và nghiên cứu sở tại.
- ♦ Tập hợp những người đó lại sẽ có tiềm năng xây dựng cơ sở khả năng, kĩ năng và tri thức của từng người, tăng cường chất lượng và phạm vi học tập cũng như số người dân hưởng lợi từ đó.

Khi nào, ở đâu?

- ♦ Phương pháp có thể được sử dụng khi quản lý nguồn lợi tái sinh đang được tiến hành trong bối cảnh phát triển, và sẽ có tác dụng cụ thể khi muốn hỗ trợ các cộng đồng học tập và cải tiến việc quản



Một trường hợp nghiên cứu điển hình ở Nam Lào

Thủy sản cộng đồng với học tập thích ứng

Tại Nam Lào, Chính phủ khuyến khích tích cực kiểm kê và sử dụng những ao hồ nhỏ để nuôi cá nhằm tăng cường những lợi ích thủy sản. Rất nhiều ao hồ này do cộng đồng địa phương quản lý tập thể để mang lại lợi ích chung cho cả làng. Bên cạnh thu nhập về tiền mặt, những cộng đồng thủy sản cũng có thể được quản lý để mang lại những lợi ích vật chất khác như cá tươi cho các gia đình nghèo vào những lúc cấp thiết (ma chay) và những lợi ích phi vật chất như tăng cường năng lực quản lý và ý thức về tầm quan trọng của việc quản lý nguồn lợi thủy sản.



Ảnh: ngày đánh cá tại làng Dong Noi, tỉnh Savanakheth (Nguồn: R. Arthur & C. Garaway).

Tại những cộng đồng thủy sản này có những nguyên tắc cơ bản, nếu không chỉ là một, là các làng có thể tạo thu nhập cho cộng đồng để cải thiện cuộc sống và theo đuổi những ưu tiên phát triển của làng, như cải tạo trường làng hoặc đóng góp chi phí đưa điện lưới về làng.

Tuy nhiên kinh nghiệm cho thấy rằng trong khi kho thủy sản này có tiềm năng mang lại lợi ích, những kết quả thực tế (xét về sản lượng, phân bổ lợi ích, tính bền vững về thể chế ...) thường khác với những gì ban đầu mong đợi. Điều không ngạc nhiên là luôn có những môi trường không chắc chắn xung quanh những gì sẽ xảy ra khi một công nghệ được đưa vào tình huống xã hội và sinh thái cụ thể mới. Trong khi đưa vào những sáng kiến mới thiếu thông tin cụ thể về bối cảnh và địa bàn, dân làng liên quan tới việc quản lý kiểm kê, đã thiếu kinh nghiệm và kiến thức kỹ thuật, sống tách biệt với nhau, nên việc học tập của họ rất chậm. Để giải quyết những nhu cầu này, Bộ phát triển quốc tế Anh (DFID) đã tài trợ cho dự án, tập hợp các nhà nghiên cứu, những cán bộ khuyến nông, những người quản lý ao hồ và người sử dụng ao hồ để lập thành một quan hệ đối tác trong học tập. Trong thời gian 3 năm rưỡi, 38 làng đang quản lý thủy sản cộng đồng, phối hợp với tất cả những thể chế khác đã tham gia vào nghiên cứu thí nghiệm tại địa phương. Những vấn đề làm như thế nào, làm cái gì, vì sao phải làm, khi nào và tại đâu của bản nghiên cứu này đã được tất cả những người tham gia xác định. Sự hợp tác như vậy trong tất cả những lĩnh vực của tiến trình nghiên cứu đòi hỏi nhiều thời gian để xây dựng niềm tin và tôn trọng lẫn nhau giữa các nhóm, hiểu biết và xác định những nhu cầu khác nhau, những mong mỏi và tìm ra biện pháp hữu hiệu để thúc đẩy tiến trình thảo luận, giao lưu về ý tưởng và tiến trình cùng nhau đưa ra quyết định. Rất nhiều chi tiết về việc này cần làm như thế nào, đã được thảo luận trong các trang sau của phần hướng dẫn này. Trong khi chưa bao giờ có ý kiến nói thẳng, tiến trình này đã mang lại một số lợi ích quan trọng cho tất cả những người tham gia.

Bản thân việc thí điểm quản lý đã đưa tới kết quả là có nhiều kiến nghị mới cho công tác kiểm kê, dựa trên năng suất của từng thủy vực. Kiến thức quản lý trước đó của rất nhiều dân làng cũng như là kinh nghiệm mới thu hoạch được trong tiến trình nghiên cứu đã được chia sẻ cùng nhau hữu hiệu và tạo ra những thông tin giá trị về lợi ích kinh tế và xã hội, và những khó khăn của những hệ thống quản lý khác nhau. Kết quả tức thời của việc tăng cường kiến thức này đã làm tăng sản lượng cá và tăng thu nhập cho các làng, và một mức tăng cường kiến thức hiểu biết về kinh tế xã hội và kỹ thuật của tất cả những người tham gia. Tuy nhiên đây không chỉ là lợi ích quan trọng duy nhất mà còn có thể là lợi ích quan trọng nhất. Với việc nhấn mạnh vào việc phát triển tiến trình có quan hệ đối tác thực sự trong học tập như là một nguyên tắc cốt lõi, những kỹ năng đã được phát triển, có thông tin và mạng lưới chia sẻ thông tin đã được tạo ra, đặt nền móng cho việc học tập tiếp tục trong tương lai.

Ai nên tham gia và tham gia như thế nào?

Khởi đầu, cần thiết phải xem ai là những đối tác thích hợp trong tiến trình học tập thích nghi. Bước đầu tiên là tiến hành phân tích chủ thể liên quan.

Thế nào là phân tích chủ thể liên quan?

Đây là một cách tiếp cận để xác định những chủ thể liên quan chính trong một hệ thống, và trong trường hợp này để đánh giá ai là người có quan tâm và có ảnh hưởng trong công tác quản lý những nguồn tài nguyên thiên nhiên cần xét tới. Nói đơn giản hơn đây là vấn đề hỏi các câu hỏi như: ai có thể được lợi? Ai có thể bị mất mát? Cái gì là sự khác biệt và là mối quan hệ giữa các chủ thể liên quan? Những ảnh hưởng liên quan là gì? Trong học tập thích nghi việc nghiên cứu việc kết hợp với quản lý và như vậy, các nhóm từ các ngành có thể xem ai có thể không cùng làm với nhau cần phải được xác định.

Không nên nhầm lẫn việc phân tích chủ thể liên quan (SA) với những kỹ thuật để giúp cho một

chủ thể tham gia vào quản lý những dự án tài nguyên hoặc dẫn đến xung đột. SA có thể là một phần của phương pháp chủ thể liên quan tham gia quản lý, song nó không phải như nhau.

Có nhiều phiên bản khác nhau của những hoạt động cần được thực hiện trong SA, song đây là một nét đại cương, có thêm chi tiết cho từng giai đoạn 1 - 4 phía dưới:

1. Xác định những chủ thể liên quan cơ bản
2. Điều tra mối quan tâm, đặc tính và hoàn cảnh của các chủ thể liên quan.
3. Xác định mẫu hình và bối cảnh của những hoạt động giao tiếp giữa các chủ thể.
4. Đánh giá quyền lực và vai trò tiềm tàng của các chủ thể liên quan.
5. Đánh giá những phương án và sử dụng kết quả để đạt tiến độ.

Có nhiều cách mà thông tin cho một SA có thể suy ra. Những cách này gồm:

- ♦ Nhân viên xác định những cơ quan chủ chốt và những người

For tools and steps on conducting a stakeholder analysis, the following web site was found to be particularly useful. <http://www.iied.org/forestry/tools/stakeholder.html>. Other references are given in Part 5.

Questions here are adapted from the IIED Website mentioned above. Step 5 is also elucidated in more detail here.

1. Một vài câu hỏi để xác định chủ thể liên quan.

- Ai có tiềm năng được hưởng lợi?
- Ai có thể bị ảnh hưởng bất lợi?
- Ai hiện đang nắm quyền?
- Ai không có tiếng nói?
- Ai có thể chống lại sự thay đổi và huy động lực lượng chống lại thay đổi?
- Ai chịu trách nhiệm cho những kế hoạch dự định?
- Ai có tiền, kỹ năng hoặc thông tin?
- Hành vi của ai cần phải thay đổi để đạt được thành công?

2. Những ví dụ về câu hỏi điều tra mối quan tâm, đặc tính và hoàn cảnh của các chủ thể liên quan:

- Kinh nghiệm và mong đợi của các chủ thể liên quan là gì?
- Lợi ích và chi phí đã và sẽ là gì đối với các chủ thể liên quan?
- Lợi ích của các chủ thể liên quan xung đột với những mục tiêu của phương pháp?
- Nguồn lực mà các chủ thể liên quan có để huy động hoặc sẵn lòng huy động là gì?

3. Phương pháp xác định mẫu và bối cảnh của tác động qua lại giữa các chủ thể liên quan.

Trang web IIED gợi ý một phương pháp được viết theo 4 chữ đầu của tiếng Anh để xác định nguồn hỗ trợ từ bên ngoài.

Quyền	Trách nhiệm
Quan hệ	Lợi tức

Để thêm thông tin hãy vào trang web <http://www.iied.org/forestry/tools/four.html>

4. Những câu hỏi ví dụ để xác định quyền lực và những vai trò tiềm tàng của các chủ thể liên quan.

- Ai phụ thuộc vào ai?
- Những chủ thể liên quan nào được tổ chức?
- Tổ chức đó có thể chịu tác động hoặc xây dựng như thế nào?
- Ai điều hành quản lý những nguồn lực?
- Ai điều hành quản lý thông tin?
- Những vấn đề nào ảnh hưởng tới các chủ thể liên quan nào, được coi là ưu tiên để giải quyết hoặc để giảm thiểu?
- Những nhu cầu nào của các chủ thể liên quan, lợi ích và mong đợi cần phải được ưu tiên

Xác định và đánh giá chủ thể liên quan



Ảnh: Những chủ thể liên quan được xác định trong trường hợp nghiên cứu Nam Lào:

- 1. Dân làng**
- 2. Ban quản lý thủy vực làng**
- 3. Cán bộ khuyến nông huyện**
- 4. Cán bộ thủy sản cấp tỉnh**
- 5. Nghiên cứu viên bên ngoài**

(Nguồn: R. Arthur, C. Garaway & S. Bush).

- ♦ hiểu biết khác.
- ♦ Việc xác định thông qua hồ sơ lý lịch và số liệu về dân số.
- ♦ Tự lựa chọn phân loại chủ thể liên quan : khuyến khích các chủ thể liên quan đưa ra thông qua những tuyên bố trong các cuộc họp, báo chí, phát thanh địa phương hoặc những phương tiện truyền tải thông tin tại địa phương.
- ♦ Xác định các chủ thể liên quan khác. Các cuộc thảo luận sớm với những chủ thể liên quan được xác định đầu tiên có thể cho thấy quan điểm của họ về những chủ thể liên quan chủ chốt những người có tác động đối với họ.

Sau khi đã tìm hiểu những vấn đề liên quan

tới bước 1 - 4, các chủ thể liên quan có thể được phân loại và thông tin được lập thành bảng để giúp cho việc suy nghĩ về giai đoạn 5.



Nhiều hạng loại của các chủ thể liên quan có thể được sử dụng, song một số loại trung nhất thì gồm có : loại cơ sở / thứ cấp ; loại chịu tác động trực tiếp / gián tiếp ; loại có mối quan hệ tích cực / tiêu cực ; những mối liên hệ yếu / mạnh ; tác động / tầm quan trọng.

Trong khi việc phân hạng loại này có thể đơn giản hóa tình hình, nếu được sử dụng cẩn thận có thể giúp ta xác định những mối quan hệ chính và những tác động và xác định các chủ thể liên quan chủ yếu mà cần phải được xem xét để thúc đẩy việc thực thi phương pháp tiếp cận này.



Các luồng thông tin

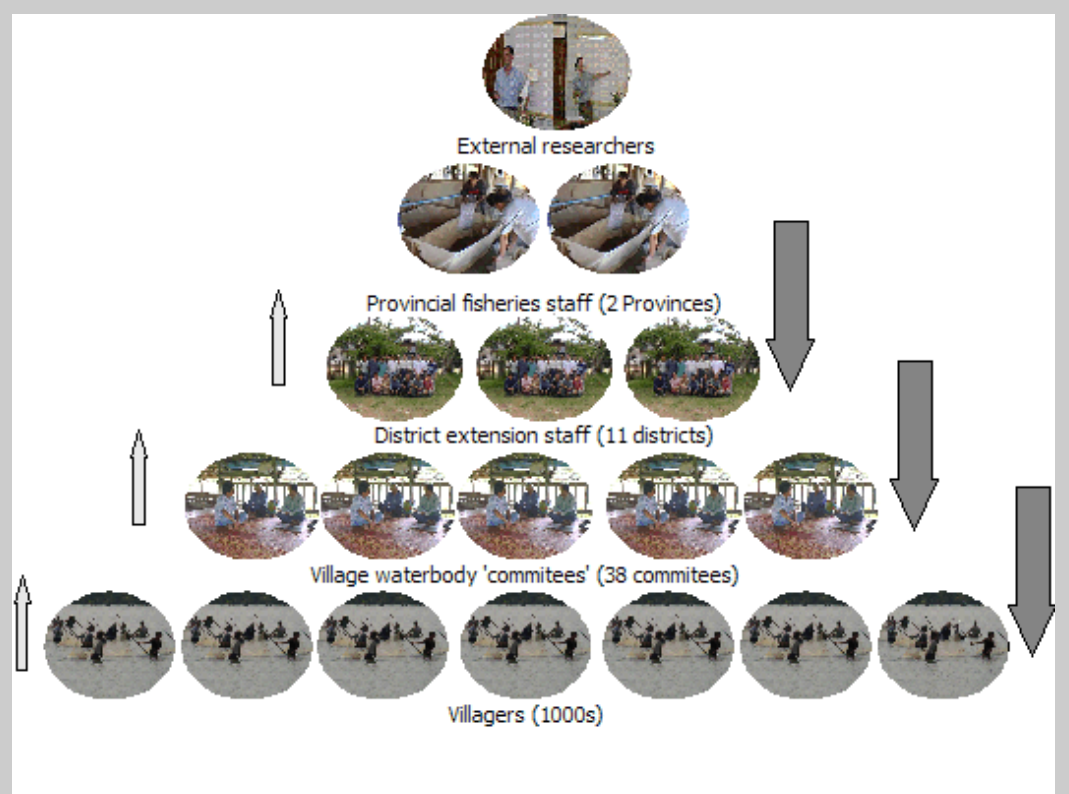
Sau khi xác định ai là các chủ thể liên quan, trọng tâm tiếp sau là điều tra thông tin sẽ được chia sẻ như thế nào. Việc này đòi hỏi xem xét mạng lưới trao đổi thông tin hiện có, và những cơ hội và khó khăn của chúng.

Như đã lưu ý ở các trang trước việc học tập không chỉ là tiếp thu, chia sẻ và sử dụng thông tin mới, mà còn cải thiện tình hình hệ thống chia sẻ thông tin hiện có để có thể đưa

ra kiến thức nhiều nhất. Ta nên nhớ rằng nhiều yếu tố không chắc chắn nảy sinh từ việc không tiếp cận được tới thông tin đối lập với việc đơn giản là thông tin không tồn tại. Phần dưới đây là sơ đồ trao đổi thông tin (truyền thông) cho các chủ thể liên quan tại Lào trước khi thực thi phương pháp học tập thích ứng.

Sơ đồ những tuyến trao đổi thông tin chung giữa các chủ thể liên quan tại miền Nam Lào trước khi có phương pháp học tập thích ứng.

(Từ dưới lên: Người dân (vài ngàn người), ban quản lý thủy vực làng (38), cán bộ thủy sản (2 tỉnh) – trái, cán bộ khuyến nông 11 huyện – phải, các nghiên cứu viên bên ngoài)



Hệ thống này theo tầng cấp với đa số thông tin chuyển từ trên xuống. Có một số luồng thông tin phản hồi cho hệ thống tầng bậc này song ở mức tối thiểu. Không có tuyến trao đổi thông tin ngoài lề (nghĩa là trong các nhóm các chủ thể liên quan khác nhau) và không có cơ chế cho bất kỳ các chủ thể liên quan nào khác để liên lạc với những người nghiên cứu bên ngoài.

Trong mạng lưới hiện có này có nhiều cơ hội bị bỏ lỡ. Dân làng và Ủy ban của làng là những người sử dụng và quản lý các nguồn tài nguyên theo điều tra và như vậy đã có những kiến địa phương đáng kể. Tuy nhiên quản lý trong tình trạng bị phân lập, có rất ít cơ hội để chia sẻ kiến thức với những làng khác hoặc những nhóm khác của các chủ thể liên quan, việc học tập của họ là rất chậm và kiến thức họ có được sử dụng rất ít. Trong khi đó với cán bộ cấp huyện sức mạnh đặc biệt của họ là kiến thức về những vấn đề và ưu tiên của làng, và có những kinh nghiệm nóng hổi về những tác động của những sáng kiến khuyến nông của Chính phủ. Tuy nhiên với dòng thông tin chuyển lên bị hạn chế, khó có thể liên lạc với cán bộ của các huyện khác, họ bị gò bó trong việc chuyển tải thông tin và học hỏi những phương pháp do người khác sử dụng. Cuối cùng, cán bộ cấp huyện không lấy được thông tin từ dưới về nhu cầu thực sự và ưu tiên nên là gì, nên họ không thể nói cho chuyên gia nghiên cứu bên ngoài nên nghiên cứu cái gì, cũng như không biết về lợi ích từ những kiến thức khoa học của các nhà nghiên cứu bên ngoài.

Triển khai một mạng lưới chia sẻ thông tin

Hệ thống này là một hệ thống điển hình về những mạng lưới truyền thông khác trong khu vực, cụ thể là những mạng lưới được kết nối với dịch vụ khuyến nông của Chính phủ. Như được trình bày từ ví dụ tại Lào, nó gồm có rất nhiều cơ hội bị bỏ lỡ để chia sẻ thông tin, kiến thức và kinh nghiệm.

Cái cần ở đây là một hệ thống tránh được cấu trúc tầng bậc cùng với những lỗ hổng của nó. Tất nhiên việc này có thể không thực hiện ngay lập tức, nhưng lại một lần nữa đây là việc cần làm. Thứ nhất trong cấu trúc này, có thể tăng cường luồng thông tin từ dưới lên và phát triển những kết nối "bên lề". Tuy nhiên, việc học tập sẽ có hiệu quả nhất khi

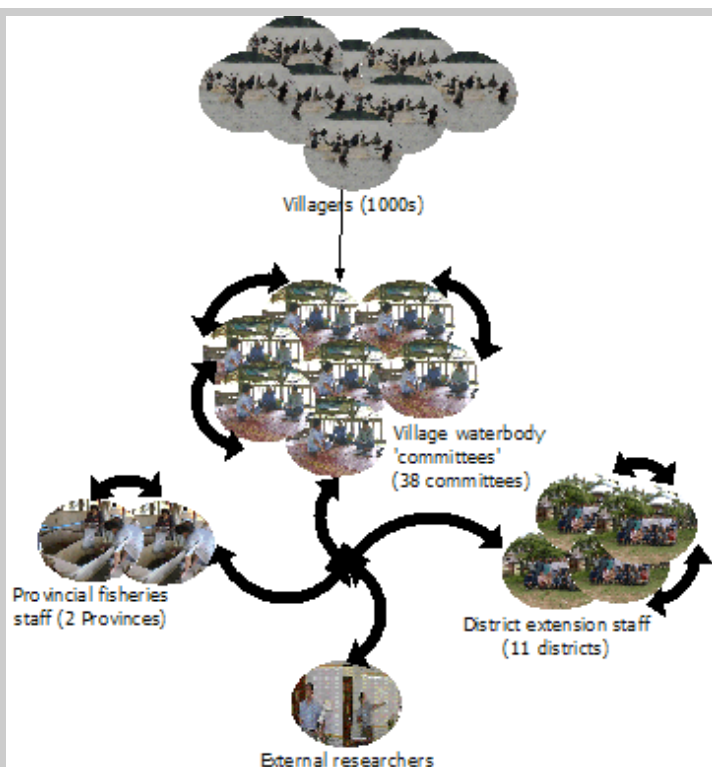
huyện cũng có thể làm được như vậy. Tuyển trao đổi thông tin duy nhất vẫn như cũ đối với dân làng.

Trong khi được nhìn nhận là hay, người ta coi việc này có thực hiện vì lý do hậu cần đối với tất cả dân làng liên quan tới quan hệ đối tác học tập. Thay vào đó những phương pháp truyền thống cho họ để họ diễn đạt quan điểm (thông qua ủy ban làng) vẫn được duy trì. Tuy nhiên khi kiểm tra bổ sung xem nhu cầu của họ đã được xem xét chưa, vấn đề thời gian luôn bị gạt sang một bên đối với việc cung cấp và nhận thông tin phản hồi từ nhóm này (thông qua ủy ban).

Thêm vào đó khi thông tin, đi qua cán bộ cấp

Sơ đồ: Các tuyến trao đổi thông tin cho các chủ thể liên quan chủ chốt tại miền Nam Lào trong tiến trình học tập thích ứng.

(Từ trên xuống: Người dân (vài ngàn người), ban quản lý thủy vực làng (38), cán bộ thủy sản (2 tỉnh) – trái, cán bộ khuyến nông 11 huyện – phải, các nghiên cứu viên bên ngoài)



tất cả các nhóm chủ thể liên quan có cơ hội chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với nhau.

Sơ đồ trên cho thấy các luồng thông tin được định hình theo mong muốn và có thể đạt được tại Lào. Như ta có thể thấy cấu trúc tầng bậc đã mất đi và thay vào đó các chủ thể liên quan cần phải có khả năng trao đổi thông tin với từng nhóm. Đồng thời mạng lưới kiến nghị này cho phép các ủy ban làng chia sẻ thông tin với nhau, các cán bộ cấp

huyện, có ý kiến rằng đã nảy sinh một số xung đột, nên cần phải đến thăm các làng để cho phép trao đổi thông tin với chính dân làng.

Mạng lưới thông tin mới của cộng đồng thủy sản này đã được thống nhất trong phương pháp học tập thích ứng. Những luồng trao đổi thông tin này đã được thực hiện chính xác như thế nào được thảo luận ở trang 30.

Thu thập thông tin cơ bản ban đầu

"Thế chế" sử dụng trong ngữ cảnh này không có nghĩa là tổ chức hay cơ quan. Thay vào đó nó ngụ ý về những quy định, quy tắc đã được thiết lập để quản lý việc tiếp cận và sử dụng của mọi người đối với tài nguyên cũng như việc tham gia của họ vào tiến trình đưa ra quyết định.

Hiểu biết về hệ thống tài nguyên

Những trang dưới đây nêu đại cương các loại thông tin cần để triển khai kiến thức hiểu biết của hệ thống tài nguyên, một giai đoạn khác trong việc chuẩn bị để học tập một phần của tiến trình. Một khuôn khổ hoạt động để điều tra được trình bày và một số phương pháp có thể hữu ích trong việc thu thập thông tin.

Triển khai một kiến thức hiểu biết sẽ được thảo luận liên quan tới một đặc tính của phân tích chủ thể liên quan và thiết kế khuôn khổ hoạt động như thể hiện trong sơ đồ. Để lý giải chi tiết hơn khuôn khổ này, xin đọc Oakerson (1992).

Khuôn khổ hoạt động IAD

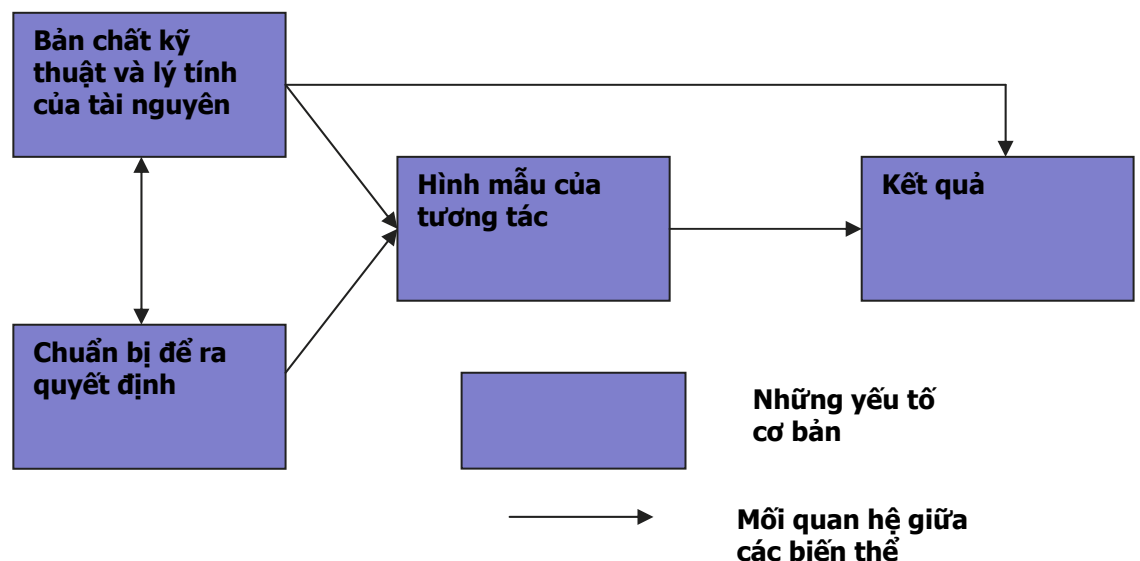
Khái niệm cơ bản của khuôn khổ này là kết quả của việc sử dụng nguồn lợi không chỉ được xác định bằng bản chất kỹ thuật và lý tính của tài nguyên mà còn bằng tương tác của con người với tài nguyên. Những phần này đến lượt nó lại chịu tác động, song không hoàn toàn xác định bằng bản chất của những quy định, quy tắc đã dựng lên để quản lý việc sử dụng nguồn lợi và cách thức con người

nhìn nhận những vấn đề này xét về bản chất của tài nguyên. Hệ thống tài nguyên được mô tả trên 4 lĩnh vực chính. Ở phía tay trái là những gì tác động vào những hoạt động của người sử dụng nguồn lợi hoặc chính tài nguyên. Ở giữa của sơ đồ là mẫu hình của tương tác đại diện cho tất cả những hành động của cá nhân do người sử dụng nguồn lợi gây ra. Ở phía tay phải là kết quả của tất cả những tương tác này.

Mỗi quan hệ giữa những lĩnh vực được thể hiện bằng những mũi tên. Một số đặc tính hỗ trợ về kỹ thuật và vật lý của tài nguyên, như là năng suất, sẽ tác động tới kết quả của những hoạt động của người sử dụng nguồn lợi (mũi tên trên cùng) trong khi những kết quả khác, ví dụ quy mô của tài nguyên và được những quy định bảo vệ có thể tác động trực tiếp thông qua việc những quy định đó tác động tới hành động của người sử dụng.

Bởi vì mối quan hệ giữa con người, tài nguyên và cơ cấu bố trí đưa ra quyết định tất cả kết hợp để đưa đến những kết quả cụ thể mà ta có thể thấy được, nên tất cả phần đó phải được nghiên cứu để phát triển một kiến thức hiểu biết lý do vì sao kết quả nó là như vậy.

Sơ đồ: Khung phân tích dành cho người dân (Nguồn: Oakerson (1992) Tr.53)



Khuôn khổ thể chế



Làm việc theo khuôn khổ

Cách tiếp cận được khung làm việc trong thực tế là làm việc ngược lại thông qua khung (từ phải qua trái, vừa tiến hành vừa tự hỏi cái gì đã xảy ra, ai tham gia, tại sao xảy ra và xảy ra như thế nào?)

Bước thứ nhất là xem xét các kết quả quản lý, những kết quả đó đã được xem là thoả mãn chưa, có bị khiên cưỡng vì tính chất vật lý, sinh học hay kỹ thuật của nguồn lợi không. Bước tiếp theo là xem người dùng đang sử dụng nguồn lợi nào kể cả họ có tuân theo quy chế luật lệ hay không, từ đó phát triển việc hiểu được lý do của trường hợp bằng cách đi sâu vào các quy chế, nguồn lực và xem tất cả cái đó ảnh hưởng đến người dùng

như thế nào.

Làm việc thông qua khung làm việc theo cách đó có thể xác định được những vấn đề chủ yếu về quản lý, như nhu cầu cộng đồng các ưu tiên và mục tiêu người dùng - cả yêu cầu của từng công trình khảo sát cơ sở. Các khung làm việc IDA có thể giúp xác định được một loạt các cấp bên về kỹ thuật và thiết chế trước kia không được công nhận là tiềm tàng tạo ra những mắt xích kết nối giữa chính sách quản lý, sử dụng nguồn lợi và kết quả của nguồn lợi. Hiểu được hệ thống nguồn lợi theo cách đó có thể giúp xác định được những cơ hội để hoặc sử dụng tri thức hiện hữu để cải tiến quản lý hay phải sản sinh ra tri thức mới thông qua việc quản lý thích nghi thụ động hay tích cực. Nó cũng giúp xác định được những chủ thể liên quan khác trong lĩnh vực quản lý mà có thể chưa tìm được ra trong phần phân tích các bên liên quan vì lý do nào đó.

Ảnh: Dùng phương pháp tham gia để tìm hiểu các vấn đề ưu tiên của người sử dụng nguồn lợi. Làng Tan-gramary - Tây Bengan (Nguồn: Arthur)

Tạo ra hiểu biết chung

Thu thập được thông tin xong, điều quan trọng là phải được chia sẻ và thảo luận với tất cả các bên liên quan, tạo cơ hội cho họ được chia sẻ hiểu biết về hệ thống nguồn lợi và có thể bảo đảm rằng nhận thức/giải thích các nhu cầu và ưu tiên của mình cũng là của cộng đồng người dùng.

Các phương pháp luận có thể áp dụng

Để đạt được một bức tranh đầy đủ nhất của hệ thống nguồn lợi có thể sử dụng một loạt nguồn dữ liệu và kỹ thuật. Nguồn dữ liệu thứ cấp có thể cho thông tin cơ bản có giá trị. Để đánh giá tính chất sinh vật lý của nguồn lợi, có thể sử dụng các phương pháp lấy mẫu và quan sát trực tiếp. Về các mặt khác, gồm nhu cầu, ưu tiên và hạn chế của người dùng, chúng tôi tin rằng kỹ thuật và công cụ PRA có thể phù hợp nhất.

Các công cụ như ma trận, lập bản đồ, phân loại giàu nghèo, phỏng vấn bán cấu trúc là những biện pháp hữu hiệu để thu thập thông tin và để các bên liên quan đánh giá các hoạt động của họ đồng thời thúc đẩy thông tin và xây dựng lòng tin. Thu thập dữ liệu bằng kỹ thuật PRA ít gò bó hơn dùng bảng câu hỏi và các mẫu song đòi hỏi huấn luyện nhiều hơn để sử dụng thật hữu hiệu.

Tham khảo về dùng kỹ thuật PRA/PLA nằm trong hướng dẫn và phương pháp luận ở Phần 5.

Xác định các phương pháp học tập

Các nghiên cứu ban đầu phải đưa ra được một sự hiểu biết tốt về những điều kiện, nhu cầu và ưu tiên hiện nay. Trong một vài trang tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét là thông tin này có thể được sử dụng để xác định các lựa chọn đó để phát triển một chiến lược học tập dựa trên những nguyên tắc khoa học

Nói tới phương pháp học tập là nói tới cách tiếp cận khi cả điều không chắc chắn và thông tin đều tồn tại. Nếu có thể làm giảm sự không chắc chắn đơn giản là sự chia sẻ những thông tin hiện có. Mặt khác nó có thể cần thiết để thí nghiệm chủ động hoặc tích cực tạo ra các thông tin.

Bước 1

Giai đoạn đầu sử dụng kết quả của nghiên cứu cơ bản, là xác định những điều không chắc chắn về quản lý hiện tồn tại, mà việc giảm những điều không chắc chắn này sẽ có liên quan đến những chủ thể liên quan. Việc đặc biệt đầu tiên là bạn phải loại bỏ tất cả những gì không liên quan tới những nhu cầu của họ cũng như không thực tế đối với bạn để phải giải quyết.

Bước 2

Giai đoạn thứ hai là phân loại những điều không chắc chắn còn lại mà đối với chúng phương pháp học tập, nếu có, có thể được dùng để làm giảm chúng; đặc biệt là thông tin vốn đã có, những nhu cầu cần phải tạo ra hoặc không bao giờ đạt được. Điều này sẽ phụ thuộc, trong số những vấn đề khác, vào các sự xem xét như là số các cơ sở đã có, mức độ khác nhau giữa các cơ sở đó liên quan đến những điều mà bạn đang cố gắng phát hiện. Đó là những vấn đề thiết kế thử nghiệm như sẽ được thảo luận ở trang 24.

Bất cứ chiến lược nào mà bạn đòi hỏi cũng sẽ có những sự phức tạp khác nhau mà phải xem xét khi đánh giá các sự lựa chọn.

Bước 3

Giai đoạn kế tiếp là đánh giá mỗi một sự lựa chọn học tập với điều kiện là nó có ý nghĩa làm giảm sự không chắc chắn. Các chiến lược chỉ đơn thuần đòi hỏi việc chia sẻ các thông tin hiện có (a) là ít phức tạp nhất, nhưng ngay cả như vậy thì các chi phí dùng để tập hợp những người thích hợp lại với nhau (với điều kiện thời gian, lao động, tiền bạc) có thể không được coi là thích đáng. Những chi phí như vậy là một vấn đề đối với mọi sự lựa

chọn học tập.

Nếu có yêu cầu về việc thu thập và phân tích các thông tin mới thì khả năng và tiền của để làm việc đó (thu thập và phân tích thông tin trở thành một tiêu chuẩn nữa cho việc đánh giá. Nếu có yêu cầu về thay đổi quản lý để tạo ra sự đa dạng (c), thì sự chấp thuận cũng sẽ phải được xem xét trước tiên của các vấn đề đó. Đánh giá mỗi một sự lựa chọn có sử dụng những tiêu chuẩn này sẽ làm cho bạn có thể loại trừ một số sự lựa chọn nào đó.

Bước 4

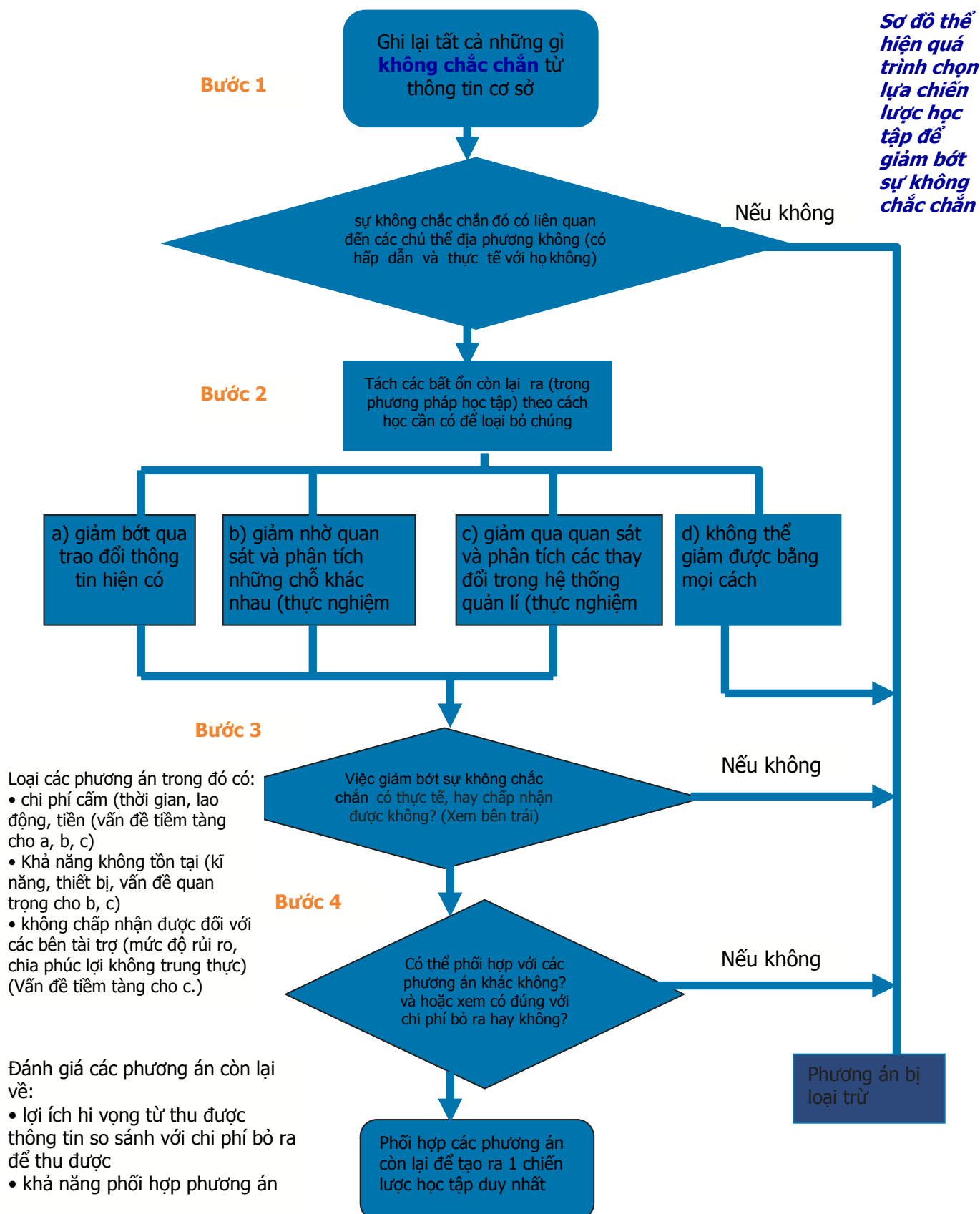
Sau khi đánh giá và loại trừ các sự lựa chọn (một vấn đề không nhỏ) bạn sẽ còn một loạt các sự lựa chọn có liên quan đến các nhu cầu và ưu tiên của cộng đồng sử dụng, trong khả năng, không quá tốn kém và chấp nhận được với các chủ thể liên quan xét về mặt nguy cơ.

Các sự lựa chọn này cuối cùng cũng cần được đánh giá theo lợi ích thực được mong đợi. Việc này cần phải làm theo số lượng càng nhiều càng tốt. Điều này, cùng với mức độ có thể kết hợp với các sự lựa chọn khác để tăng cường hơn nữa lợi ích cho các cố gắng, có thể sẽ tạo thành cơ sở cho sự lựa chọn cuối cùng. Cuối cùng bạn sẽ có được một chiến lược học tập được tất cả những chủ thể liên quan đồng ý bao gồm việc tạo ra những thông tin chung để cùng chia sẻ. Việc tạo ra những thông tin có thể thông qua thử nghiệm tích cực hoặc thụ động hoặc là một sự kết hợp của cả hai.

Sơ đồ ở trang đối diện, cùng phối hợp với các trang 24 và 25, cung cấp cho ta một công cụ có thể để giúp bạn quyết định xem là những điều không chắc chắn nào cần phải được giải quyết và lần lượt, phương pháp học tập để sử dụng trong mỗi trường hợp (xem bên trái). Quá trình lựa chọn này cần phải được tiến hành phối hợp với các chủ thể liên quan để đảm bảo tính công khai minh bạch và sự thống nhất ý kiến về chiến lược học tập cuối cùng.

Chúng ta hãy bắt đầu với sơ đồ:

Quá trình lựa chọn



Thiết kế mô hình thử nghiệm

Ảnh: Cán bộ cấp huyện ở Nam Lào đang đánh giá và phân tích các phương pháp học tập khác nhau (Nguồn: R. Arthur và C. Garaway)

Trên thực tế phương pháp này tập trung vào việc học tập và tiến hành thử nghiệm một cách rõ ràng, công tác quản lý là một trong những khía cạnh tạo ra sự khác nhau trong phương pháp học tập phù hợp. Tuy nhiên, nếu không dành chi phí cho quá trình này thì thử nghiệm không thể mang lại lợi ích và cung cấp kiến thức mới.

Trong phần này chúng ta sẽ thấy được rõ hơn mối quan hệ mật thiết giữa các chi phí và lợi ích đồng thời cùng cần xem xét các thử nghiệm nên được thiết kế như thế nào.

Chi phí và lợi ích của các chiến lược khác nhau

Trang trước đã giải thích các vấn đề cần được xem xét khi lựa chọn chiến lược học tập và sự bất đồng giữa các hình thức học tập khác nhau. Khi quá trình thử nghiệm thụ động được tiến hành thì chỉ có thể so sánh với các phương pháp thực tế đang sử dụng, các thử nghiệm đã đề xuất cần được kiểm tra nếu như việc thiết kế đủ đảm bảo cung cấp thông tin theo yêu cầu (hãy xem phần trong khung dưới đây).

Có nhiều vấn đề cần giải quyết hơn bằng



quá trình thử nghiệm chủ động so với việc tiến hành các phương pháp khác. Điều đáng lưu ý là cần có chi phí nhiều nhất cho các thử nghiệm chủ động.

Tuy nhiên, quá trình thử nghiệm chủ động cũng có thể tạo ra lợi ích lớn hơn các thử nghiệm thụ động vì trong hầu hết các trường hợp, thiết kế thử nghiệm phù hợp có thể tạo nên sự tương phản lớn hơn và nhanh hơn so với các hệ thống nằm trong sự thay đổi tự nhiên. Câu hỏi đặt ra là:

Có nên làm như vậy không?

Cố gắng thay đổi có thể gặp phải rủi ro. Điều này có thể cần các khoản chi phí

Thiết kế thử nghiệm

Khi các thử nghiệm được thiết kế cần cung cấp thông tin dựa trên sự thay đổi hiện có trong công tác quản lý hoặc tạo ra sự thay đổi, các nguyên tắc của việc thiết kế thử nghiệm (bao gồm: sự so sánh, đối chiếu) cần được sử dụng để đảm bảo chỉ có thay đổi nhỏ trong các hệ thống được so sánh và đối chiếu. Thời gian tiến hành thử nghiệm phải vận hành trước khi xem xét mức độ ảnh hưởng của nó, sự ảnh hưởng đó có thể là một trong những hạn chế.

Sử dụng các nguồn lợi có sẵn có thể hạn chế việc thiết kế thử nghiệm, một số vấn đề chưa được lường trước có thể giảm sự tái tạo đối với nguồn lợi sẵn có. Điều đặc biệt trong quản lý nguồn lợi được tái tạo là cách phát triển và đưa ra lý do cần thiết, mang tính thuyết phục khi thiết kế các thử nghiệm. Có thể sử dụng các công cụ như quyền thống kê để đánh giá các chiến lược đã đề xuất, các yếu tố đánh giá như mô hình điểm và sự đối chiếu với các phương pháp xử lý. Có thể sử dụng các dữ liệu được thu thập trong chương trình học tập cơ bản để xây dựng các mô hình điểm cho công tác thử nghiệm.. Công việc này sẽ giúp đảm bảo việc thiết kế đáp ứng yêu cầu đề ra.

Một số tài liệu tham khảo cần thiết về thiết kế thử nghiệm có thể xem ở trang 39

Phương pháp tiếp cận lấy con người là trung tâm

Chọn lựa chiến lược học tập ở Nam Lào.

Ở Nam Lào đã xác định 38 làng tham gia hệ thống cộng đồng nghề cá a) hệ thống quản lý tốt nhất, b) những loài nào được nuôi, c) cách kiểm soát việc đánh bắt bất hợp pháp. Nghiên cứu cơ bản đã cho biết có 3 hệ thống quản lý, mỗi hệ thống có một cơ chế chi phí và lợi ích riêng. Ví dụ như lợi nhuận từ nuôi cua khá hơn nuôi cá rô phi trong cùng một môi trường nuôi năng suất thấp. Đây cũng là trường hợp mang lại kinh nghiệm cho công tác quản lý nghề cá trong các làng và có thể mang lại lợi ích trong việc chia sẻ kinh nghiệm.

Sau khi thảo luận với các cán bộ cấp tỉnh và huyện và đại diện của các làng, đã lựa chọn ra một chiến lược học tập bao gồm: chia sẻ các thông tin hiện có về những khía cạnh quản lý, xem xét chi phí và lợi ích có được từ thử nghiệm thụ động trong các hệ thống quản lý khác nhau và trình diễn thử nghiệm chủ động đối với hai khu vực nuôi năng suất cao và thấp đối với từng loài cua hoặc cá rô phi hoặc nuôi kết hợp cua – rô phi. Thử nghiệm chủ động được đánh giá là sử dụng mô hình hệ thống phát triển từ các dữ liệu cơ bản, thiết kế thử nghiệm này nhằm đảm bảo phương pháp sử lý mang lại kết quả và có thể kết luận sự khác nhau giữa các loài được nuôi.

Để cung cấp cho các nhóm chủ thể liên quan cơ hội thảo luận sự lựa chọn và đánh giá tác động của những phương pháp học tập, một loạt các hội thảo đã được tổ chức có sự tham gia của các cán bộ cấp huyện và đại diện các làng. Tại các hội thảo này, đã kết luận phương pháp học tập và thảo luận về các phương pháp. Khi các làng có vấn đề về nuôi kết hợp các loài, họ đã nỗ lực hết sức để thích nghi với sự thay đổi đó.



Ảnh: Thả cá chép vào ao ở làng Keng Lek (Nam Lào) – một hoạt động thử nghiệm tích cực được người dân hưởng ứng mạnh mẽ trong chiến lược học tập (Nguồn: R. Arthur & C. Garaway)

ngắn hạn cho những kết quả dài hạn hơn. Khi điều này được chấp thuận hoặc không phụ thuộc vào tỷ lệ của các bên tham gia (họ có thể từ bỏ các lợi ích ngắn hạn để nhận được các lợi ích dài hạn lớn hơn) thì cần xác định một khái niệm là làm cách nào để chống lại rủi ro.

Trong các trường hợp này chúng ta có thể được tham gia cùng với các cộng đồng, những người này có khả năng chịu được chi phí ngắn hạn và thường thì kết quả sẽ chống lại sự rủi ro. Đối với họ giảm được rủi ro và chi phí trong học tập thì quan trọng hơn so với tăng lợi nhuận.

Nếu không có các yếu tố hạn chế gặp phải khi tạo ra sự thay đổi, thông thường cần sự xử lý khác nhau ở những điểm khác

nhau. Một vài cách xử lý này được nhận biết cách nào tốt hơn các cách khác. Điều phối việc xử lý sẽ đòi hỏi sự cẩn thận. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, sự khác nhau chỉ được chấp thuận nếu chúng được nhìn nhận là công bằng.

Sự hợp tác rất quan trọng

Đây là một phần trong bước làm minh bạch sự cam kết và tạo điều kiện trong việc kết nối thông tin. Trong các chiến lược học tập bao gồm có quá trình thử nghiệm chủ động, quá trình này tạo ra nhu cầu riêng. Tổ chức một diễn đàn để thảo luận và đàm phán cho các bên tham gia là một phần quan trọng trong quá trình thực hiện kế hoạch. Mặt khác, thực thi thành công

Các điểm học tập chủ yếu (phần 2)

Ai tham gia học tập ?

- ♦ Cần xác định một số nhóm người tham gia bao gồm các học viên, cán bộ khuyến ngư và người sử dụng nguồn lợi (là những người không thường xuyên làm việc cùng nhau) và kết hợp các lực lượng trong một quá trình để việc học tập đi đôi với công tác quản lý.
- ♦ Việc chia sẻ thông tin là một điểm đáng xem xét. Thiếu sự truy cập thông tin có thể là một khó khăn chính đối với công tác quản lý.
- ♦ Vì các hệ thống nguồn lợi tự nhiên phức tạp và có tính luân chuyển, kế sinh nhai của những người tham gia phụ thuộc vào sự hiểu biết chung về hệ thống quản lý được trình bày.

Chia sẻ các mạng lưới:

- ♦ Các nhóm chủ thể liên quan khác nhau có các triển vọng khác nhau và có thể có kiến thức khác nhau. Các nhóm này đều cần được đánh giá.
- ♦ Cần tạo ra các nỗ lực để hướng tới cơ cấu không theo hệ thống đối với việc giao tiếp. Mục tiêu là đảm bảo mạng lưới chia sẻ có thể giúp tất cả các nhóm chủ thể liên quan chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức với nhau.

Hiểu biết về hệ thống nguồn lợi tự nhiên

- ♦ Các hệ thống nguồn lợi tự nhiên đều phức tạp và luôn chuyển dịch, công tác quản lý không thể hoàn thiện nếu thiếu đi yếu tố con người và sinh học của hệ thống và những mối tương tác của chúng.
- ♦ Cần hiểu biết về kiến thức và triển vọng của các nguồn lợi tự nhiên phụ thuộc vào những hệ thống được phân tích tốt nhất nhờ các phương pháp tổng hợp.
- ♦ Các kết quả điều tra cần được tất cả các nhóm chủ thể liên quan chia sẻ và thảo luận để đảm bảo có sự hiểu biết chung.

Phát triển các phương pháp học tập

- ♦ Có thể giảm sự không chắc chắn bằng các cách: chia sẻ thông tin hiện có hoặc tạo ra nguồn thông tin mới. Các cấp độ thông tin có thể được thông qua quá trình thử nghiệm thụ động hoặc chủ động với công tác quản lý.
- ♦ Các chiến lược học tập cần dựa trên những lựa chọn phản ánh nhu cầu của và mục đích của người sử dụng, có thể là những khó khăn về hậu cần và tài chính, những chiến lược này phải được các nhóm chủ thể liên quan chấp thuận. .

Thiết kế thử nghiệm

- ♦ Việc thiết kế các thử nghiệm về quản lý mang tính thụ động hay chủ động đều phải dựa trên các nguyên tắc thiết kế thử nghiệm gồm sự tái tạo, đối chiếu và thống kê.
- ♦ Khi quá trình thử nghiệm chủ động hướng tới việc học tập nhanh chóng hơn thì có thể có nhiều rủi ro và ít được chấp thuận hơn.
- ♦ Thảo luận về chi phí và lợi ích của các thử nghiệm này với các nhóm chủ thể liên quan là rất quan trọng.



Một trường hợp điển hình tại Tây Ben-gan

Bài học từ những thử nghiệm với hệ thống nuôi cá - lúa tại Tây Ben-gan

Có rất nhiều ví dụ về hệ thống nuôi cá kết hợp với trồng lúa. Các hệ thống này được mở rộng ở các vùng tự nhiên (bao gồm cả hệ thống nước lợ và nước ngọt) cũng như các vùng có sự quản lý. Tuy nhiên, tất cả các trường hợp đều không chắc chắn về mức độ tối ưu và việc kết hợp các loài cá nuôi và giống lúa phù hợp nhất để hướng dẫn cho người sản xuất.



Ảnh: Những người buôn bán cá giống ở địa phương – nguồn cung cấp giống tin cậy cho chương trình thử nghiệm nuôi cá (Nguồn: R. Arthur)

Tại Tây Ben-gan tình trạng kém hiệu quả hơn so với Lào trong việc thiết lập hệ thống đồng quản lý phù hợp. Cả hai hệ thống nguồn lợi của họ đều kém đồng nhất. Hơn nữa còn có sự thiếu tin tưởng giữa các bên tham gia. Các cán bộ khuyến ngư không tạo được niềm tin cho nông dân, nông dân và đại diện của họ không tạo được niềm tin cho chính phủ. Bởi đặc điểm của họ là "họ sẽ không làm những điều họ nói", họ muốn học tập kinh nghiệm từ những người khác nhưng "tôi không muốn họ biết tôi làm gì"

Tình trạng này nhấn mạnh đến một số yếu tố cơ bản trong công tác đồng quản lý và phương pháp học tập thích hợp. Yêu cầu đầu tiên là tạo được sự tin tưởng và chấp nhận sự thất bại. Có thể xảy ra các tình huống là tất cả sẽ không như kế hoạch và ta vẫn phải chấp nhận điều này, sử dụng kinh nghiệm để xây dựng lòng tin bằng các cam kết đi đầu trong công tác cải tiến trong thời gian dài. Điều thứ hai là bắt đầu các hoạt động cơ bản và nhỏ lẻ với đối tượng được ưu tiên. Đáp ứng nhu cầu và chứng minh được có một số lĩnh vực có thể làm việc trong quy mô nhỏ để xây dựng lòng tin trong quá trình thực hiện, điều này sẽ mang lại sự đầu tư lớn hơn trong thời gian dài. Các hoạt động quy mô lớn hơn, tốn kém và khả năng rủi ro nhiều hơn có thể được nỗ lực tiến hành khi đã có cơ sở vững chắc.

Thực tế là có những điều chưa thật tương đồng giữa các hệ thống điều này đồng nghĩa với việc có thể sử dụng quy trình đã được trình bày tại trang 22-23, nhằm xác định hình thức thử nghiệm có thể cung cấp thông tin hữu ích cho người nông dân. Thống nhất hình thức thử nghiệm chủ động đối với các đàn cá nhằm so sánh cá có sản lượng cao với các loài có giá trị cao cùng với một giống lúa do một nhóm nông dân nuôi trồng. Sự khác nhau là giảm được yêu cầu sử dụng thuốc trừ sâu đắt tiền gây hại cho cá. Hơn nữa một số thông tin liên quan đến nuôi cá là do người dân thiếu cơ hội tiếp cận với các hội thảo đào tạo tại các làng.

Quá trình lựa chọn chiến lược học tập nhấn mạnh đến một số vấn đề của quy trình thử nghiệm chủ động. Bước ban đầu là quan trọng vì những người quản lý hệ thống nguồn lợi đã nhận được một số lợi ích từ việc tham gia thử nghiệm. Vì các thử nghiệm này được dựa trên cơ chế so sánh các lựa chọn, điều này tác động đến việc thiết kế thử nghiệm. Thứ hai, có một số vấn đề liên quan đến sự công bằng và rủi ro. Điều rất quan trọng, vì nếu thiếu xây dựng lòng tin, thiết kế thử nghiệm sẽ không tránh khỏi thiếu công bằng và rủi ro. Thông qua việc sử dụng những biện pháp đơn giản có thể phát triển các thử nghiệm liên quan đến biện pháp xử lý mà các nông dân cảm thấy biện pháp này là công bằng và thích hợp tạo ra nguồn thông tin theo yêu cầu.

Khởi tạo thông tin

Xác định các chiến lược học tập cùng với các nhóm chủ thể liên quan (phần trước), bước tiếp theo là phát triển một kế hoạch hành động để tiến hành và dựa trên các trách nhiệm được chia sẻ.

Tại miền Nam của Lào, việc tiếp cận được tiến hành là thảo luận một "bản hợp đồng" với các làng tham gia chương trình. Theo các điều khoản của hợp đồng, các làng đã thống nhất quản lý các nguồn cho vay đặc biệt đối với lợi ích cho cộng đồng, ghi nhận nỗ lực về đánh bắt và chia sẻ kinh nghiệm với các thành viên tham gia khác sau một năm thực hiện.

Sau đó, dự án thống nhất cung cấp các nguồn cho vay phù hợp với kế hoạch thử nghiệm, giúp cho việc đào tạo và tư vấn khi cần thiết, thu thập dữ liệu quản lý để chia sẻ kết quả với các bên thành viên tham gia vào thời gian cuối của chu trình thử nghiệm. Một yếu tố quan trọng của hợp đồng là các trách nhiệm trong việc thu thập dữ liệu và các nguyên do nhằm nhấn mạnh tới điểm này được nêu rõ dưới đây.

Các hệ thống thu thập dữ liệu được chia sẻ

Tạo lập thông tin mới tất yếu sẽ đòi hỏi việc thu thập dữ liệu. Ai sẽ là đối tượng thu thập dữ liệu cũng trở thành một vấn đề và có một số lợi thế trong việc chia sẻ trách nhiệm giữa các bên tham gia. Tất cả các bên tham gia đều sử dụng lợi thế này. Ví dụ, các cán bộ chính phủ sẽ có các nguồn để thu thập thông tin về sử dụng nguồn lợi trong từng ngày, tuy nhiên có trường hợp cá biệt khi những người sử dụng nguồn lợi chỉ yêu cầu sử dụng hoặc xây dựng trên các hệ thống đang có sẵn. Biết dữ liệu đã được thu thập là gì sẽ bắt đầu việc thiết kế tốt các hệ thống thu thập dữ liệu.

Một nguyên tắc khác nhằm nâng cao chất lượng dữ liệu đã được thu thập là việc tham gia của những người làm công tác thu thập dữ liệu ở các giai đoạn lên kế hoạch và thiết kế hệ thống thu thập dữ liệu. Nguyên tắc này sẽ mang lại một số lợi ích:

Sự tham gia lập kế hoạch sẽ giúp cho các cán bộ thu thập dữ liệu hiểu được tại sao dữ liệu lại được thu thập và điều này sẽ khuyến khích

họ (nếu họ đồng ý với mục tiêu tổng thể của công tác thu thập) làm công việc thu thập dữ liệu một cách chính xác. Việc thu thập dữ liệu không đầy đủ thường xảy ra thậm chí đối với cả những người có lòng nhiệt huyết cao và thường dẫn đến việc là họ không hiểu tại sao thu thập dữ liệu lại quan trọng như vậy.

Sự tham gia thiết kế sẽ giúp đảm bảo rằng hệ thống thu thập dữ liệu có tính thực tế và dễ hiểu. Điều quan trọng là hệ thống này sẽ mở rộng tầm nhìn cho quá trình học tập. Cả hai yếu tố này sẽ cải tiến được chất lượng các dữ liệu đã thu thập và mối quan tâm đối với hệ thống này.

Trong điểm cuối cùng này, chất lượng của dữ liệu được thu thập cũng sẽ tăng lên nếu những dữ liệu này là thông tin cần thiết. Chất lượng của dữ liệu này có thể được tạo nên bằng các cách như sau:

- ♦ Thiết kế việc thu thập dữ liệu bằng cách một vài hoặc tất cả các thông tin đều liên quan đến lợi ích của người thu thập.
- ♦ Những người thu thập dữ liệu tham gia trực tiếp vào công tác phân tích dữ liệu
- ♦ Trình bày lại những thông tin đã được phân tích với những người thu thập dữ liệu càng sớm càng tốt.

Hệ thống này hoạt động thế nào?

Chu trình phương pháp học tập thích ứng ở trang 12 nhấn mạnh yêu cầu đánh giá chặt chẽ, điều này cũng phù hợp với các phương pháp thu thập dữ liệu cần được giám sát để kiểm tra xem họ đang làm gì và nếu họ không đáp ứng được thì cần phải cải thiện lại. Điều này sẽ đảm bảo rằng khi đánh giá quá trình tổng thể được tiến hành (trang 34), các hệ thống thu thập dữ liệu không được xác định mặt hạn chế chính gặp phải. Những yếu tố quan trọng nhất để đánh giá các hệ thống thu thập dữ liệu là những nhà thiết kế và người làm công tác thu thập dữ liệu.

Chia sẻ trách nhiệm

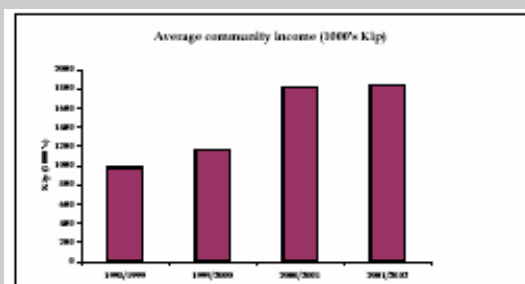
Các cán bộ thu thập dữ liệu tham gia vào quá trình phân tích: Kết quả của các Hội thảo với cán bộ cấp huyện tại CHDCND Lào

Các hội thảo này được thiết kế để giúp các cán bộ cấp huyện đánh giá dữ liệu thông tin của dự án, xây dựng biểu đồ và giải thích kết quả cho nhau. Học tập bằng phương pháp tiếp cận này kết hợp với việc đào tạo kỹ năng, tổ chức hội thảo có thể là một trong phương pháp đổi mới nhất của các dự án. Đó là cách tiêu thụ thời gian và năng lượng để chứng minh thành công các kết quả thử nghiệm. Không chỉ các cán bộ nhiều tuổi ở cấp huyện hiểu rõ hơn về kết quả thử nghiệm, họ còn nâng cao được năng lực phân tích và làm chủ được nguồn thông tin để từ đó có động lực và quan tâm hơn với các hoạt động của dự án.

Nguyên tắc cơ bản của chúng tôi hướng dẫn các hoạt động kết nối là nguồn thông tin phải được thiết lập và chia sẻ bằng phương thức phù hợp và đúng thời điểm. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, các thành viên tham gia thường cảm thấy thoải mái trong môi trường học tập thân thiện như là hội thảo có các bài trình bày và báo cáo, các kinh nghiệm được đưa ra chia sẻ và thảo luận do vậy đây là phương pháp gần gũi. Một trong những phương pháp học tập mới và năng động hơn bao gồm việc đóng vai và trò chơi cũng được giới thiệu. Một phương pháp mới được minh họa dưới đây

Tổ chức Hội thảo

Các cán bộ cấp huyện làm việc thành từng nhóm nhỏ và được cán bộ cấp tỉnh giúp đỡ, họ được cung cấp những bản công việc bằng giấy có chứa dữ liệu mà họ đã tự thu thập và các cán bộ tỉnh sẽ hướng dẫn cách phân tích các dữ liệu này. Yêu cầu phải có một biểu đồ đơn giản trên mỗi bản công việc để minh họa những điểm cần làm. Sau đó tính toán dữ liệu và trình bày cách tính đơn giản cho tất cả các cán bộ khác tham khảo.



Các biểu đồ cần được làm trên máy tính, đây là một cơ hội để đánh giá các thành viên tham dự. Các cán bộ sẽ phải trả lời các câu hỏi để giúp họ thể hiện những vấn đề họ tìm ra được. Sau đó họ thảo luận với nhau và cùng với các cán bộ cấp tỉnh

(những người đã từng làm bài tập tương tự trước đây), các cán bộ trình bày và thảo luận các biểu đồ đã làm xong với đồng nghiệp khác của họ. Cách làm này chủ yếu được sử dụng trên máy chiếu, đây cũng là một kinh nghiệm mới nữa cho các cán bộ cấp huyện, trước đây họ chỉ được xem nhưng nay họ đã tự làm lấy. Khi tất cả mọi người đồng ý với kết quả trình bày thì phải viết một đoạn ngắn giải thích dưới biểu đồ đó.



Cuối cùng, các biểu đồ và bài phát biểu được tập hợp lại thành một cuốn sổ để mỗi cán bộ huyện có thể mượn tham khảo sau khi kết thúc hội thảo. Các cán bộ huyện có thể chia sẻ, phản hồi lại thông tin mà họ thu thập được để giúp cho mọi người hiểu rõ hơn.



Ảnh: Các cán bộ cấp huyện phân tích các dữ liệu mà họ đã tham gia thu thập, sau đó trình bày kết quả và thảo luận. (Nguồn: R. Arthur & C. Garaway).

Chia sẻ thông tin

Trang trước cung cấp cho chúng ta một ví dụ hay về cách chia sẻ thông tin. Trong trường hợp này các cán bộ huyện không chỉ được trình bày các thông tin mới, họ còn được cung cấp một phương pháp tạo lập thông tin cho bản thân mình, họ có thể hiểu nguồn thông tin đó và thảo luận về chúng. Quy trình này minh họa một số nguyên tắc chính trong việc chia sẻ thông tin bằng cách tăng cường học tập học tập. Theo quy tắc chung, khi các phương pháp chia sẻ thông tin càng tích cực bao nhiêu thì người học tập có cơ hội tốt bấy nhiêu. Họ có thể học bằng cách nghe, nhìn hoặc thực hành và phương pháp này nhìn chung là một mô hình nâng cao hiệu quả.

Một số câu hỏi nhằm giúp bạn tự hỏi mình liệu bạn đang quan tâm đến vấn đề chia sẻ thông tin với nhóm tham gia được ghi trong phần khung dưới này hay chưa. Ở chúng ta đang nói về sự kết nối trực tiếp với các nhóm tham gia. Tất nhiên sẽ có các hình thức khác nữa trong vấn đề kết nối (phương tiện nghe, viết và xem). Nếu đây là trường hợp cần thiết thì hãy cẩn thận khi tiến hành các phương pháp phù hợp và vẫn cần phải trả lời các câu hỏi dưới đây.

Nhu cầu trao đổi thông tin của nhóm chủ thể liên quan:

Các bên tham gia có trình độ học vấn tương tự, sống cùng một địa danh, dùng chung một ngôn ngữ, cùng yêu cầu một loại thông tin và họ được sử dụng những thông tin mới nhận được bằng một cách giống nhau hay không? Nếu câu trả lời đối với tất cả các câu hỏi là "có" thì có thể chia sẻ thông tin mới với tất cả các nhóm cùng một lúc. Tuy nhiên khi các nhóm chủ thể khác nhau có những nhu cầu trao đổi thông tin khác nhau, thì các câu hỏi dưới đây sẽ giúp ta xác định:

Với mỗi nhóm chủ thể liên quan

Nhóm này cần thông tin này không? Tại sao?

Nhóm này thấy thông tin này có liên quan đến họ, và nếu không thì bạn giải thích như thế nào về nhu cầu này cho họ?

Bạn muốn nhóm này làm gì với nguồn thông tin này?

Ai là người tốt nhất chia sẻ/ giải thích thông tin này với họ? Có phải là người từ những nhóm chủ thể liên quan khác không?

Hiện nay học có kỹ năng phù hợp nào để giải quyết công việc này?

Có ai khác cần hướng dẫn quy trình này không?

Nhóm chủ thể liên quan được nhận thông tin như thế nào?

Đây có phải là một cách phù hợp để nhận thông tin hay không, phương pháp lựa chọn nào sẽ được chấp nhận?

Có cách nào tạo ra kinh nghiệm học tập năng động hơn không?

Nhóm này sẽ có thể chuyển nguồn thông tin này cho các nhóm khác, bạn có muốn họ làm vậy không và bạn có thể tạo điều kiện cho quá trình này như thế nào?

Mức độ về thông tin cần yêu cầu là gì?

Ngôn ngữ nào nên được dùng cho việc chia sẻ thông tin và nó giúp cho mọi người dễ tiếp cận?

Khi nào là thời gian tốt nhất để chia sẻ thông tin với nhóm này?

Địa điểm nào là tốt nhất để chia sẻ thông tin với nhóm này?

Chia sẻ thông tin ở Nam Lào

Tại Lào, các nhóm chủ thể liên quan khác nhau có yêu cầu về thông tin, trình độ giáo dục khác nhau được sử dụng việc tiếp nhận thông tin bằng các cách khác nhau. Điều này có nghĩa là một tình trạng không bình thường và mỗi quan tâm lớn được đặt ra là làm sao thiết kế phương tiện để thu nhận thông tin đúng cách chuyển đến người cần nguồn thông tin đó bằng việc làm cho họ hiểu và sử dụng chúng. Vì trong những trường hợp khác, trong quá trình thực hiện phải vượt qua sự khác nhau này bằng cách vẽ trên các hệ thống của các nhóm khác nhau. Cùng lúc phải xem xét các phương pháp chia sẻ thông tin.



Một số nguyên tắc được quán triệt khi xây dựng kế hoạch chiến lược về chia sẻ thông tin trong dự án Nam Lào

Ưu thế của các nhóm

- | | |
|---------------------------------|---|
| Nghiên cứu viên: | <ul style="list-style-type: none"> Trình độ học vấn cao giúp cho việc phân tích các kết quả cụ thể Tạo điều kiện và đào tạo cho giảng viên sử dụng kinh nghiệm để giúp họ phát triển các phương pháp các cán bộ cấp tỉnh vận dụng trong việc chia sẻ thông tin với các nhóm khác |
| Các cán bộ cấp tỉnh: | <ul style="list-style-type: none"> Có khả năng giao tiếp bằng cả tiếng Anh và tiếng Lào, từ đó có thể dịch các tài liệu liên quan để tất cả những thông tin cần chia sẻ có thể sử dụng bằng tiếng Lào. Hiểu được trình độ học vấn của các cán bộ cấp huyện và bằng phương thức nào đó để họ được học tập những kinh nghiệm giúp cho họ thiết lập được các phương pháp thích hợp để chia sẻ với thành viên trong nhóm. . |
| Các cán bộ cấp huyện: | <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được trình độ học vấn của các thành viên Ban quản lý thủy vực thôn làng và cách thức họ học hỏi - đây là kinh nghiệm giúp lập kế hoạch chia sẻ thông tin với thành viên trong nhóm này. Quan hệ tốt với các thành viên Ban quản lý thủy vực thôn làng, tạo cơ hội cho họ được học tập và chia sẻ thông tin Quan hệ tốt với chính quyền huyện để lo địa điểm tổ chức các buổi họp với với người dân |
| Ban quản lý thủy vực thôn làng: | <ul style="list-style-type: none"> Chủ động đến các trung tâm của huyện để học tập tiếp nhận các thông tin mới Truyền đạt kinh nghiệm cho các thành viên khác trong thôn xóm Tạo niềm tin và sự tôn trọng lẫn nhau cho các thành viên trong thôn xóm. |

Các điểm học tập chủ yếu (phần 3)

Trách nhiệm được chia sẻ

- ♦ Chiến lược học tập cần được chuyển sang kế hoạch quản lý gồm xác định rõ ràng vai trò và trách nhiệm cho từng nhóm tham gia. Việc xác định rõ các vai trò và trách nhiệm sẽ phân công được công việc trong từng trường hợp.
- ♦ Có một số lợi thế khi chia sẻ trách nhiệm trong việc thu thập dữ liệu giữa các nhóm tham gia. Tuy nhiên, điều này không phải là đơn giản, cũng cần có chi phí cho công tác thu thập dữ liệu để nâng cao chất lượng các dữ liệu đã được thu thập.

Xây dựng dựa trên các hệ thống giám sát sẵn có:

- ♦ Việc sử dụng các hệ thống thu thập dữ liệu là cần thiết. Các hệ thống này cần được chỉnh sửa để đảm bảo toàn bộ dữ liệu theo yêu cầu có lợi cho người sử dụng.
- ♦ Sự tham gia của những người thu thập dữ liệu vào các giai đoạn thiết kế và lên kế hoạch có thể nâng cao được chất lượng những dữ liệu đã được thu thập vì người thu thập hiểu rõ tại sao lại cần những dữ liệu này. Điều này cũng đảm bảo rằng hệ thống được phát triển là thực tế và người thu thập dữ liệu gắn kết với hoạt động của họ.
- ♦ Động lực để thu thập dữ liệu có thể được nâng cao nếu người thu thập tham gia vào giải quyết các thông tin ở giai đoạn sau. Điều này đảm bảo cho việc dữ liệu liên quan trực tiếp đến người thu thập, có sự tham gia của người thu thập trong quá trình phân tích dữ liệu và trình bày, kết quả phân tích sẽ được chuyển tới người thu thập càng sớm càng tốt.
- ♦ Đảm bảo hệ thống thu thập dữ liệu được đánh giá gồm có sự tham gia

của người thu thập và đảm bảo các phương pháp đánh giá được thực hiện.

Liên kết với các nhóm chủ thể tham gia

- ♦ Để nâng cao hiệu quả, cán bộ có thể học tập học tập bằng phương pháp nghe, nhìn và thực hành. Điều này cần được ghi nhận khi xem xét các phương pháp kết nối với các nhóm tham gia.
- ♦ Điều cần thiết là quan tâm đến người xem và sự đánh giá của họ để biết được yêu cầu kết nối của họ là gì. Dựa trên mức độ về kỹ năng, ngôn ngữ, giáo dục và các nhu cầu thông tin khác nhau.
- ♦ Vì các nhóm tham gia bạn đang giải quyết sẽ có các nhu cầu khác về thời gian, bạn nên quan tâm cẩn thận đến cả thời gian và địa điểm cho các hoạt động chia sẻ thông tin. Nếu nắm được thời kỳ giữa vụ thu hoạch bận rộn thì sẽ hiểu được việc tham gia trong thời gian này sẽ không được như mong muốn.
- ♦ Với các hoạt động kết hợp với quy trình học tập phương pháp học tập thích ứng, chúng ta xem xét thấy rằng cần thiết giám sát và đánh giá bất kỳ thông tin nào cần được chia



Đặc trưng của học tập thích ứng

Học tập là con đường đưa ra một quyết định dựa vào tri thức thu được.

Phương pháp học tập thích ứng lại khác. Chúng ta cảm thấy rằng nó khác vì nó không chỉ xác định nhu cầu và kế hoạch hành động có các bên tham gia. Phương pháp này còn tạo ra cách học tập và cung cấp thông tin cho công tác quản lý. Phương pháp học tập thích ứng cung cấp một phương pháp có tính hệ thống được dựa trên những điểm đã được làm rõ. Thông thường các quy trình quản lý và học tập được xem xét sau, phương pháp học tập thích ứng khác với phương pháp học tập khác là nó dựa trên nhu cầu thông tin được xác định trước khi quản lý và các hoạt động quản lý được thiết kế để thu nhận thông tin cùng với lợi ích. Phương pháp này mang lại lợi ích to lớn cho phép hệ thống thu thập cơ sở dữ liệu được sử dụng để đáp ứng nhu cầu. Trong công tác quản lý việc ra quyết định đáp ứng được các mục tiêu đề ra là điều khó khăn.

Việc tạo lập, chia sẻ và sử dụng thông tin không chỉ đơn giản là kết quả của công tác quản lý mà vấn đề là xem xét các hoạt động quản lý đã được thực hiện, đó là một trong những mục tiêu cơ bản của công tác quản lý.

Đánh giá

Trong các giai đoạn, đánh giá là mẫu chốt của học tập, vì nó không chỉ cho biết tình hình đang diễn ra mà còn có thể giúp mở rộng các hoạt động đã được thực hiện thành công, và nếu không có được sự thành công thì sẽ phải cải tiến ở đâu. Thông thường, việc đánh giá có thể rơi vào thời điểm cuối của dự án, hoặc có thể chỉ đánh giá đầu ra của một hoạt động và không tiến hành ở từng quy trình. Trong trường hợp đó, các cơ hội quan trọng để học tập bị mất đi, bạn có biết rằng các mục tiêu không đạt được mà không có sự đánh giá thì bạn sẽ không biết được nguyên nhân tại sao.

Là một quy trình tổng hợp, phương pháp học tập thích ứng đòi hỏi cả đầu ra và quá trình thực hiện đều nằm trong sự đánh giá và xem xét chặt chẽ. Một số mức độ đánh giá được xác định:

- ♦ Quy trình học tập: thông tin mong muốn được thiết lập, chia sẻ và sử dụng hay không?
- ♦ Phương pháp học tập: Các phương pháp học tập có được sử dụng để thiết lập và chia sẻ thông tin một cách hiệu quả hay không?
- ♦ Kết quả học tập: các lợi ích từ nguồn thông tin thu được có tương ứng với chi phí bỏ ra không?

Cơ cấu minh hoạ ở trang sau được phát triển trong dự án của Lào để hướng dẫn

đánh giá cả hai giai đoạn đang thực hiện và giai đoạn cuối của từng chu trình thử nghiệm. Kết hợp đánh giá quy trình thực hiện và kết quả được thiết kế như một cây chẩn đoán giúp cho bạn tìm đúng được đâu là vấn đề cần giải quyết. Từ trang 34-38 nêu rõ từng phần trong cơ cấu này, đó là ví dụ phù hợp với những việc đã tiến hành tại Lào.

Thông tin được tạo lập có phải là điều mong đợi?

Thu nhận được thông tin về hệ thống nguồn lợi tự nhiên không chỉ là công việc hữu ích cho phương pháp phương pháp học tập thích ứng trong quản lý, nó còn là mục tiêu. Khi quy trình thử nghiệm sản xuất ra thông tin thì nó được thiết kế để chuyển đổi thành mối quan tâm có thể phân tích. Một trong những yếu tố chính là thiết lập các phương pháp quản lý khác. Sau mỗi chu trình thử nghiệm, hoặc tạo lập thông tin, nguồn thông tin này sẽ được đánh giá. Tiến hành việc này nhằm giảm độ không chắc chắn mà quá trình thử nghiệm tạo ra. Các nguyên nhân dẫn đến chưa thành công là thất bại trong việc thiết kế thử nghiệm ban đầu. Ví dụ không có đủ sự thay đổi giữa lĩnh vực hoặc không có đủ lĩnh vực để trả lời câu hỏi được đưa ra. Vấn đề có thể ảnh hưởng đến các hệ

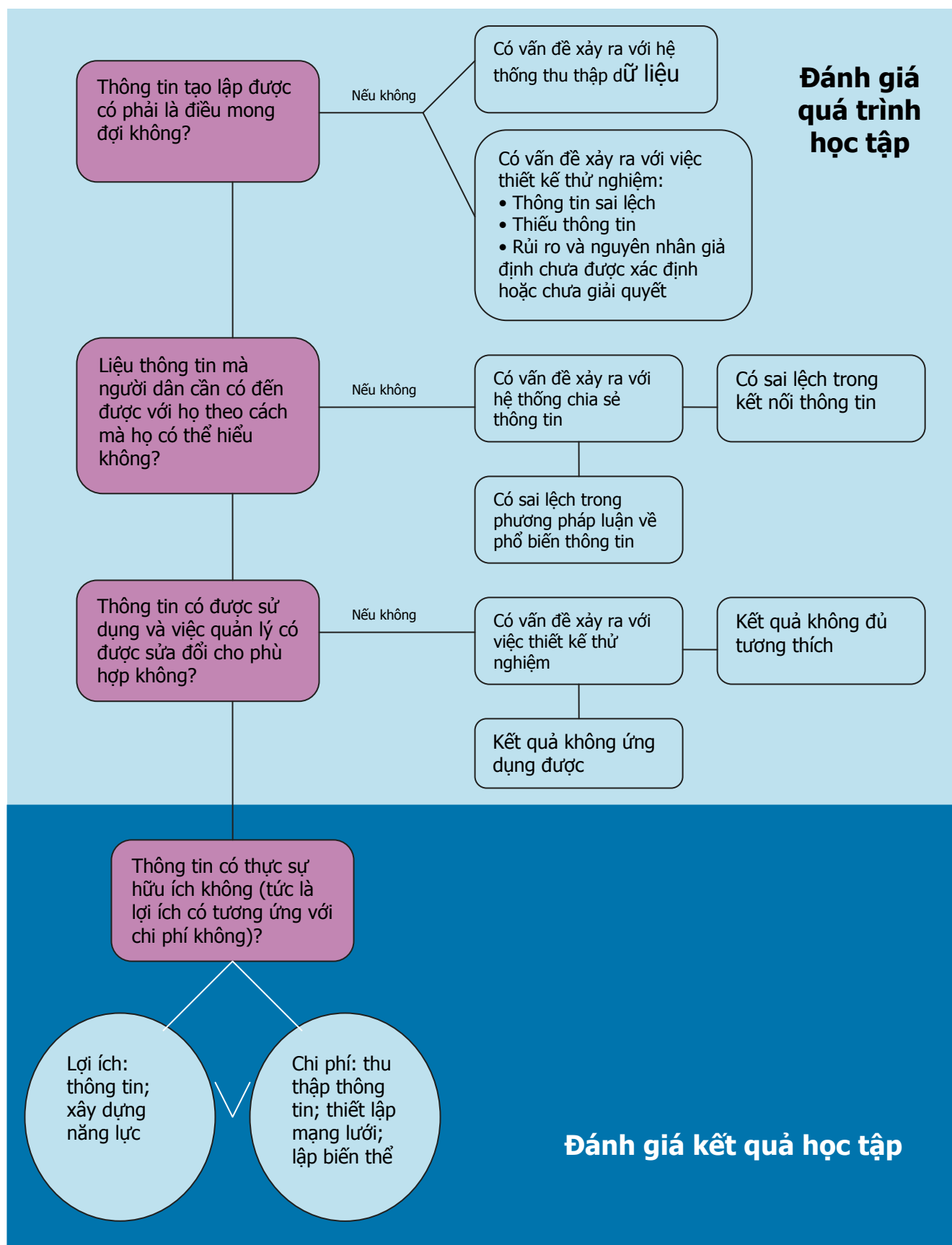
Học tập từ “thất bại” ở CHDCND Lào

Như đã đề cập ở các trang trước, phương pháp học tập thích ứng ở CHDCND Lào đã làm nảy sinh một câu hỏi – “lòai cá nào là đối tượng nuôi phù hợp với một loại thủy vực nhất định?” Các thủy vực thường được thả ghép các loài khác nhau và đến cuối năm thứ nhất sẽ là lúc thu hoạch cá. Điều đáng buồn là chỉ thu được một phần rất nhỏ số cá giống đã thả, nên chúng tôi không thể đưa ra kết luận cho câu hỏi ban đầu. Tuy nhiên, chúng tôi đã nhìn nhận lại nghiêm khắc xem điều gì đã dẫn tới việc cá ra khỏi ao. Chắc hẳn hệ thống thu thập dữ liệu đã được đánh giá lại và cải tiến hơn nên không thể là nguyên nhân, mà chính là những rủi ro liên quan đến vận chuyển và ngăn ngừa các loài động vật ăn cá nhưng chưa được xác định khi thiết kế mô hình thử nghiệm. Từ việc “rút kinh nghiệm” ấy, chúng tôi đã thiết kế được mô hình phù hợp hơn và tìm được câu trả lời cho vấn đề đặt ra trong năm tiếp theo.



Ảnh: Vận chuyển cá giống đến các thôn làng trong chương trình thử nghiệm nuôi thả cá ở Nam Lào (Nguồn: R. Arthur và C. Garaway)

Cốt lõi của việc cải tiến quy trình



Đánh giá

Thông tin được chia sẻ hiệu quả hay không?

Bước tiếp theo trong quá trình đánh giá phương pháp học tập thích ứng là quyết định xem liệu thông tin chuyển tới người cần nguồn thông tin đó bằng cách nào và họ có hiểu được thông tin này không. Một số phương pháp khác nhau về đánh giá việc chia sẻ thông tin đã được tiến hành cả ở giai đoạn thực hiện và kết thúc chu trình thử nghiệm.

Diễn đàn của chúng tôi để trao đổi thông tin là các cuộc hội thảo. Các cuộc hội thảo khác nhau được tổ chức cho các nhóm tham gia khác nhau, tuy nhiên khi kết thúc hội thảo, tiến hành đánh giá các hoạt động thông qua việc cung cấp câu hỏi điều tra cho cả người tham dự và người giảng. Người tham dự được hỏi những câu cụ thể về mục tiêu của hội thảo (bao gồm việc chia sẻ thông tin) và nếu họ cảm thấy họ đã học được một vài điều thì giảng viên đánh giá phương pháp họ đã sử dụng là hiệu quả và họ sẽ tiếp tục tiến hành phương pháp đó.

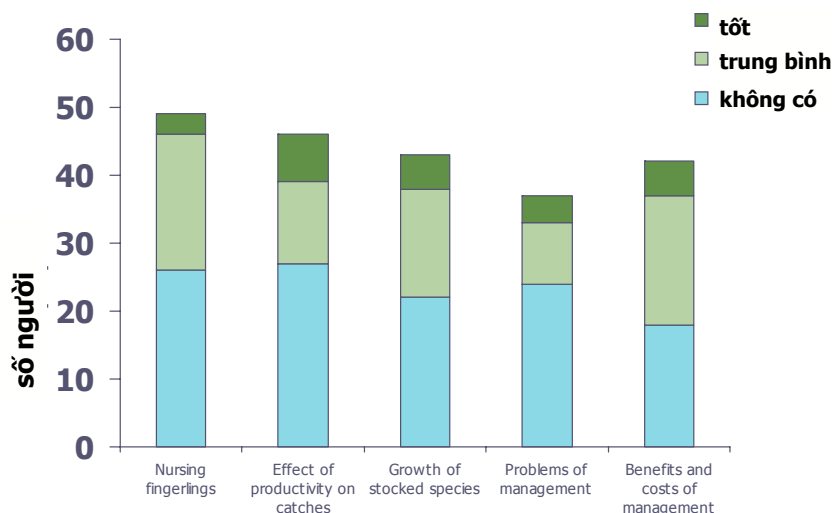
Các đoạn trích dưới đây là mẫu do giảng viên tự đánh giá. Việc tự đánh giá và việc thảo luận trong nhóm giảng viên là một trong những phương pháp quan trọng nhất trong đó việc chia sẻ thông tin có thể được cải tiến cho quá trình thử nghiệm tiếp theo. Khi quá trình thử nghiệm được tiến hành dựa trên những thảo luận thường đem lại kết quả thì việc chia sẻ thông tin cũng được đánh giá tốt hơn. Việc này được tiến hành bằng cách so sánh thông tin phản hồi từ người tham dự từ năm này so với năm trước. Trong trường hợp của Lào, có sự cải tiến đáng kể trong mỗi năm, điều này cho thấy rằng không chỉ người tham dự học mà cả giảng viên cũng đều hướng tới việc đạt được kết quả cao.

Hơn nữa khi kết thúc chu trình thử nghiệm, tất cả các nhóm tham gia được đặt câu hỏi để đánh giá kỹ năng và kiến thức của họ và đây được coi là một kết quả của quá trình họ đã trải qua. Việc làm này thông qua câu hỏi điều tra. Các biểu đồ cho thấy kết quả đối với các thành viên tại một làng của Lào được trình bày ở trang tiếp theo.

Trích phiếu đánh giá cá nhân của giảng viên

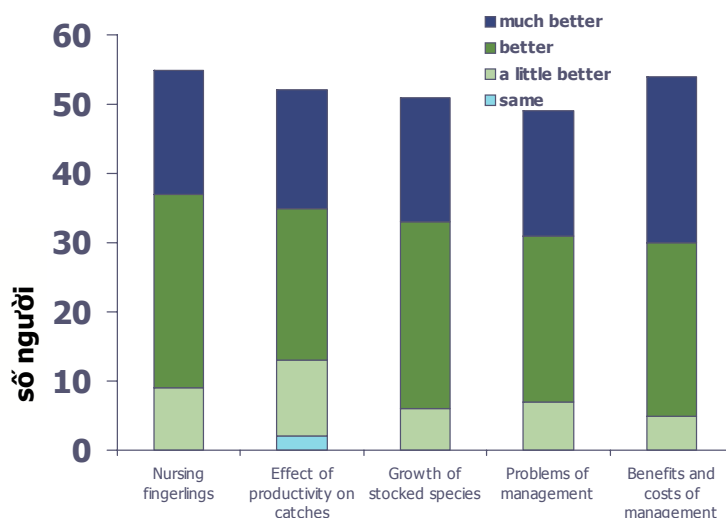
Chuẩn bị: Bạn đã:	0	1	2	3	4	5	Ghi chú
Xác định mục tiêu chưa?							
Xác định hoạt động và kết quả chưa?							
Có thay đổi gì trong phương pháp tập huấn không (làm việc với toàn thể, chia nhóm nhỏ, hay với từng cá nhân)?							
Giảng bài							
Các học viên có hiểu vấn đề không?							
Nội dung có hấp dẫn học viên không?							
Có phù hợp với trình độ học viên không?							
Có đủ thời gian không?							
Có sử dụng giáo án (theo từng mục) không?							
Học viên có tiếp thu được gì không?							
Diễn đạt: Bạn có:							
Nói rành mạch không?							
Giải thích những thuật ngữ khó không?							
Sử dụng biểu đồ, phong chữ rõ ràng không?							
Cho học viên nêu ý kiến không?							
Khuyến khích học viên đóng góp không?							
Làm chủ được các phần nêu ý kiến – trả lời không?							
Khích lệ học viên không?							

Quá trình và kết quả



Biểu đồ thể hiện nhận thức của các đại biểu thôn bản về quản lý thủy vực trước khi áp dụng phương pháp học tập thích ứng

(từ trái sang phải: ương cá giống, ảnh hưởng của năng suất lên đánh bắt, sự phát triển của đối tượng nuôi, các vấn đề về quản lý, lợi ích và chi phí trong quản lý)



Biểu đồ thể hiện nhận thức của các đại biểu thôn bản về quản lý thủy vực sau khi áp dụng phương pháp học tập thích ứng

(Chú thích:
much better = tăng nhiều
better = tốt hơn
a little better = tăng ít
same = không tăng)

Thông tin có được sử dụng không?

Cuối cùng tại phần đánh giá, điều quan trọng là liệu thông tin có được tạo lập, chia sẻ và sử dụng đúng thường xuyên không. Nếu thông tin không được sử dụng như trên thì việc thiết kế thử nghiệm ban đầu chưa phù hợp, hoặc a) kết quả không liên quan đến các nhóm tham gia, b) kết quả không có tính thực tiễn. Quá trình xác định sự lựa chọn được đề cập ở trang 23 có thể giảm khả năng tiến hành yếu tố này. tuy nhiên, khi thông tin được sử dụng thì việc học tập học tập sẽ được đánh giá đầy đủ. Để giải quyết

nguồn thông tin này cần lựa chọn và xem phần sau đây:

- ♦ Nêu bằng chứng thay đổi phù hợp cho các hoạt động của nhóm tham gia theo từng năm.
- ♦ Cải tiến việc thực hiện theo từng năm (cả kết quả quản lý và quá trình học tập).
- ♦ Nêu bằng chứng liệu người thực hiện có cảm thấy họ tiếp nhận thêm được kỹ năng/ kiến thức không.

Tính hiệu quả về chi phí của học tập thích ứng

Lợi ích của nguồn thông tin đạt được tương ứng với chi phí ra sao?

Khi quá trình học tập phù hợp mang lại thành công trong thực hiện thử nghiệm quản lý và và kết quả là giảm sự quản lý không chắc chắn, vẫn có nhiều câu hỏi được đặt ra. Giá trị của nó là gì?

Các phương pháp học tập thích ứng có tiềm năng thì chi phí bỏ ra hiệu quả hơn so với việc quản lý không có hệ thống. Có thể ước tính lợi ích có được từ quá trình thực hiện và những lợi ích trong tương lai. Những lợi ích này được so sánh với chi phí thực hiện. Các chi phí và lợi nhuận phi vật chất như "xây dựng năng lực" hoặc nâng cao hiệu quả của hệ thống cũng nên được xem xét. Đối với các nhóm người sử dụng nguồn lợi, thường các chi phí và lợi ích đều quan trọng. Ví dụ, họ có thể nhận thấy, chi phí đối với người lao động

không sẵn có mà nó được tính tương ứng với sự tham gia của người lao động.

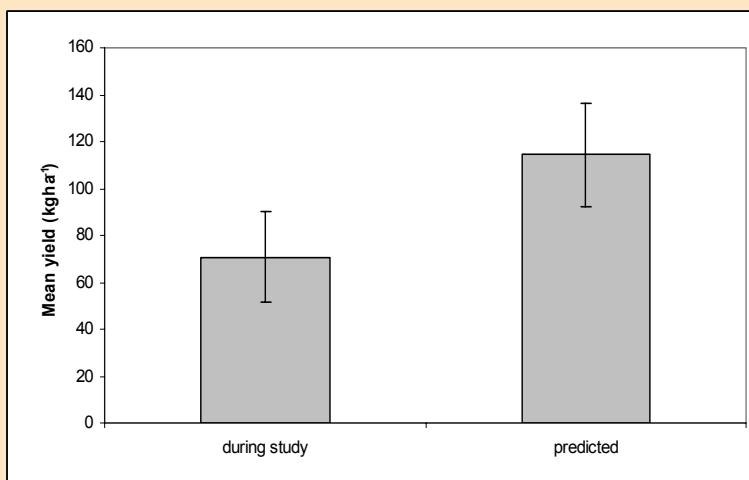
Nói cách khác, chúng ta thấy rằng một số làng có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm thì đó là lợi ích mà lợi ích này giá trị hơn chi phí trong khi các cán bộ cấp tỉnh lại thấy rằng họ đã cso cơ hội thật giá trị để làm các công việc đáp ứng được nhu cầu của người dân. Đây là những lợi ích hiếm có của người tham gia.

Một điều đặc biệt quan trọng là việc xem xét tất cả các bên tham gia liệu họ có cảm nhận được giá trị của chi phí bỏ ra không. Một số hướng dẫn hữu ích về giám sát và đánh giá được nêu ở Phần 5.

Lợi ích từ thử nghiệm chủ động tại Nam Lào

Mặc dù thử nghiệm chủ động đã không sản xuất ra thông tin khi kết thúc năm thứ nhất và vào cuối năm thứ hai, có thể đưa ra các khuyến nghị dựa trên các kết quả. Để đánh giá giá trị của nguồn thông tin này, lợi ích các làng đã được nâng cao dựa trên kết quả tính toán năng lực đánh bắt và mật độ đàn cá ở cùng mức độ. Nếu sử dụng phương pháp này, nguồn thông tin này có thể cung cấp lợi ích đáng kể. Hơn nữa, tổng giá trị của các lợi ích gia tăng của các làng được so sánh với chi phí thực hiện thử nghiệm. Các thử nghiệm này cho thấy có thể chưa đến 7 năm, lợi ích tổng thể có thể tương đương với chi phí cho dự án địa phương (bao gồm phương tiện đi lại, hội thảo...). đây là điều khuyến khích nhất để thực hiện thử nghiệm.

(hình bên: trục tung thể hiện năng suất trung bình, *during study* = trong thời gian nghiên cứu, *predicted* = dự kiến)



Những điểm học tập chủ yếu (phần 4)

Đánh giá ở từng giai đoạn

- Việc đánh giá không nên chỉ nhìn vào điều gì đã xảy ra đối với đầu ra của công tác quản lý. Cần phải kiểm tra quá trình quản lý. Điều này không chỉ bằng việc làm mà chúng ta cần hiểu tại sao có việc đã được làm hoặc chưa được làm và chúng ta làm như thế nào để tạo ra sự đổi thay giúp giải quyết công việc.
- Đánh giá là một phương pháp tiếp cận dựa trên học tập để chúng ta đánh giá không chỉ đầu ra của việc học tập mà đánh giá cả quá trình và các phương pháp học tập.
- Xem xét quá trình và các phương pháp học tập không chỉ giúp phát triển một cấp bậc chỉ số mới toàn diện mà nó sẽ cho chúng ta biết công việc gì đang làm và chưa làm, điều này cũng có nghĩa là việc đánh giá ở từng giai đoạn tốt hơn là chỉ đánh giá vào giai đoạn kết thúc

Quá trình học tập

- Có thể sự tạo lập và chia sẻ thông tin cần thiết bị thất bại nếu việc thiết kế thử nghiệm nghèo nàn, việc tiến hành thử nghiệm và thu thập dữ liệu không đầy đủ hoặc bao gồm cả hai nguyên nhân. Trong bất kỳ tình huống nào thì việc xem xét và giải quyết tích cực sẽ là cơ hội đẩy lùi sự thất bại.

Các phương pháp học tập

- Về cơ bản, chúng ta cần biết rằng nếu đưa thông tin đang đến gần người dân thì họ có thể hiểu nguồn thông tin đó. Việc đánh giá những thông tin được cung cấp cũng như việc tiếp nhận thông tin sẽ giúp họ hiểu được công việc cần làm và không nên làm.
- Hơn nữa để sử dụng nguồn thông tin một cách thành công, cần tiếp cận các nhóm tham gia chương trình khi chúng ta muốn biết họ đã sử dụng nguồn thông tin này ra sao. Nên các nhóm tham gia có thông tin và không sử dụng nguồn thông tin đó thì những lời khuyên đưa ra không phù hợp với nhu cầu của họ và chúng ta cần xem xét lại để xác định nhu

cầu cho phù hợp.

- Chúng ta có thể xác định được mức độ sử dụng thông tin qua việc thay đổi cách thức của nhóm tham gia, sự cải tiến và đầu ra trong quá trình quản, mức độ làm chủ về kiến thức và kỹ năng của người tham gia.

Đầu ra của quá trình học tập:

- Yếu tố quan trọng nhất liên quan đến đầu ra là liệu lợi ích từ thông tin đạt được và đã chia sẻ có tương ứng với chi phí đầu tư hay không.
- Khi xem xét chi phí và lợi ích, không chỉ cần kiểm tra đầu ra từ các nhóm tham gia mà còn phải nhận biết, đánh giá trên cơ sở các lợi ích phi vật chất như sự bền vững được nâng cao và tác động đối với xã hội cũng như lợi ích vật chất như thu nhập và hoa lợi. .

Chấp nhận “ sự thất bại”

- Đây có lẽ là điều dễ hiểu nhưng một trong những khó khăn nhất là việc chấp nhận và thay đổi nó, đặc biệt là đối với các tổ chức. Tuy nhiên, quá trình thực hiện đạt được thành công nhất là tất cả mọi người đều tham gia việc học tập và đánh giá khi công việc không tiến triển theo mong muốn, điều này tạo ra một cơ hội để học tập và cải tiến hiện trạng. Nếu sự thất bại bị che giấu thì sẽ cản trở quá trình cải tiến. .



Chỉ dẫn nguồn và tư liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo

Quản lý thích nghi

Arthur, R.I. (2004). Adaptive learning as an approach to the management of small water-body fisheries. Thesis submitted for PhD, Imperial College, London, UK

Garaway, C.J. and Arthur, R.I. (2002) Community fisheries: experience from Lao PDR

Garaway, C.J., Arthur, R.I., & Lorenzen, K. (2002) – Adaptive learning for inland fisheries enhancement – final technical report for project R7335 submitted to DfID. MRAG Ltd, London, UK available from www.fmsp.org.uk

Holling, C.S. (Ed.) (1987) Adaptive environmental assessment and management. Wiley and Sons Chichester

Lee K. (1993) Compass and gyroscope. Island Press, Washington

Pinkerton, E. (Ed.) (1989) Co-operative management of local fisheries: new directions for improved management and community development. University of British Columbia, Vancouver.

Ruitenbeek, J. and C. Cartier (2001) The invisible wand: adaptive co-management as an emergent strategy in complex bioeconomic systems. CIFOR Occasional Paper No. 34

Wadsworth, Y. (1998) What is Participatory Action Research? <http://www.scu.edu.au/schools/sawd/ari/ari-wadsworth.html>

Walters, C.J. (1986) Adaptive management of renewable resources. Macmillan, New York.

Tổ chức việc học tập

Argyris, C and Schön, D.A. (1978) Organizational Learning: A Theory in Action Perspective, Addison-Wesley, Reading, MA.

Dixon, N. (1994) The Organizational Learning Cycle, McGraw-Hill, Maidenhead

Garratt, B. (2000) The learning organisation: developing democracy at work. Harper Collins, London

Guijt, I., J.A. Berdegue and M. Loevinsohn (Eds.) (2000) Deepening the basis of rural Resource Management ISNAR & RIMISP, The Hague NL/Santiago de Chile.

Horton, D. A. Alexaki, S. Bennett-Lartey, K.N. Brice, D. Campilan, F. Carden, J. de Souza Silva, L.T. Duong, I. Khadar, A. Maestrey Boza, I. Kayes Muniruzzaman, J. Perez, M. Somarriba Chang, R. Vernooy, and J. Watts. (2003) Evaluating capacity development: experiences from research and development organizations around the world. International Service for National Agricultural Research (ISNAR).

Senge, P.M. (1990) The fifth discipline: the art and practice of the learning organisation. Random House, London.

Phân tích và thiết kế về mặt thể chế

Oakerson, R.J. (1992) Analyzing the commons: a framework, In: D.W. Bromley (Ed.): Making the commons work: theory, practice and policy. ICS Press, San Francisco

Ostrom, E. (1991) Governing the commons: the evolution of institutions for collective action. Cambridge University Press.

Hướng dẫn và phương pháp luận

Thiết kế mô hình thử nghiệm

McAllister, M.K. and Peterman, R.M. (1992). Experimental design in the management of fisheries: a review. *North American Journal of Fisheries Management* 12: 1-8

Winer, B.J., D.R. Brown and K.M. Michels (1991) *Statistical principles in experimental design*. McGraw-Hill Inc.

Giám sát và đánh giá

Abbott, J and I. Guijt (1998) Changing views on change: participatory approaches to monitoring the environment. *SARL Discussion Paper No. 2*, July 1998.

Hartanto, H., M.C.B. Lorenzo and A.L. Frio (2002). Collective action and learning in developing a local monitoring system. *International Forestry Review* 4(3): 184-195.

IDS 1998. Participatory monitoring and evaluation: learning from change. *IDS Policy Brief*-

Sách hướng dẫn

IFAD (2002) *Managing for impact in rural development: a guide for M & E*. IFAD, Rome www.ifad.org/evaluation

Maine, R.A., Cam, B. and Davis-Case, D. (1996) *Participatory analysis, monitoring and evaluation for fishing communities: a manual*. FAO Fisheries Technical Paper No. 364, FAO, Rome.

McAllister K, (1999). *Monitoring and evaluating process, outputs and outcomes*. CBNRM Programs Branch IDRC, Ontario, Canada

Sit, V and Taylor, B. (1998) *Statistical methods for adaptive management studies*, Land Management Handbook No. 42, Research Branch, B.C. Ministry of Forests, Victoria, British Columbia, Canada

Van Veldhuizen, L., Waters-Bayer, A. and de Zeeuw, H. (1997) *Developing technology with farmers: a trainers guide for participatory learning*. Zed Books.

Worah, S., Svendsen, D.S. and Ongleo, C. (1999) *Integrated Conservation and Development (A Trainer's Manual)*. ICSP Training Programme AIT(WWF)

Các vấn đề phương pháp luận

Bee, F. and Bee R. (1998) *Facilitation Skills*, Frances and Roland Bee, IPD.

Chambers, R. (1992) *Relaxed and participatory appraisal: notes on practical approaches and methods for participants in PRA / PLA—related familiarisation workshops*. Participation Resource Centre at IDS, Brighton, Sussex.

ODA (1995) *Guidance notes on how to do stakeholder analysis of aid projects and programmes*. Social Development Department, UK Overseas Development Administration, London

PLA Notes (since 1994), IIED, London

Pretty, J.N., Guijt, I, Scoones, I and Thompson, J. (1995) *A trainer's guide for participatory learning and action*. IIED London

Reece, I. And Walker, S. (1997) *Teaching training and learning*. Business Education Publishers.

Kết nối với nhà nghiên cứu và tư liệu internet

Địa chỉ trang web các cơ quan, tổ chức, chương trình nghiên cứu quan trọng

Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Kết hợp Australia (ACIAR) Đây là một cơ quan nhà nước hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu trong những chương trình hợp tác phát triển của Chính phủ Australia <http://www.aciar.gov.au/>

Chương trình Nghiên cứu Di truyền học Cá và Nuôi trồng Thủy sản (AFGRP) với kinh phí tài trợ của Bộ Phát triển Quốc tế Anh quốc, phục vụ người nghèo ở các quốc gia đang phát triển <http://www.dfid.stir.ac.uk/Afgrp/>

Chương trình Quản lý Nuôi trồng Thủy sản và Nguồn lợi Thủy sinh (ARRM), Khoa Môi trường – Tài nguyên và Phát triển, Học viện Công nghệ Châu Á (AIT) <http://www.agri-aqua.ait.ac.th>

Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản Phi-líp-pin (BFAR) - một cơ quan nhà nước hoạt động trong lĩnh vực phát triển, tăng cường, quản lý và bảo vệ nghề cá cũng như nguồn lợi thủy sản <http://www.bfar.da.gov.ph/>

Chương trình Vịnh Ben-gan (BOBP) Một tổ chức liên chính phủ có nhiệm vụ thúc đẩy hợp tác và cung cấp dịch vụ tư vấn cho việc quản lý và phát triển bền vững nghề cá ven bờ <http://www.bobpigo.org/>

Viện Nuôi trồng Thủy sản Nước ngọt Trung ương (CIFA) - thực hiện các hoạt động nghiên cứu về phát triển nuôi trồng thủy sản <http://www.stpbh.soft.net/cifa/>

Chương trình Khoa học Quản lý Nghề cá (FMSP) - hoạt động bằng nguồn tài trợ của Bộ Phát triển Quốc tế Anh quốc, phục vụ dân nghèo ở các nước đang phát triển <http://www.fmsp.org.uk/>

Viện Tái thiết Nông thôn Quốc tế (IIRR) Một tổ chức về phát triển nông thôn có trụ sở đặt tại Phi-líp-pin <http://www.iirr.org/>

Mạng lưới Các Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản Châu Á – Thái Bình Dương (NACA) - một tổ chức liên chính phủ hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua nuôi trồng thủy sản bền vững <http://www.enaca.org>

Sáng kiến Hỗ trợ Quản lý Nguồn lợi Thủy sản (STREAM) - khuyến khích các hoạt động về sinh kế, thể chế, xây dựng chính sách và trao đổi thông tin phục vụ xóa đói giảm nghèo <http://www.streaminitiative.org>

Chương trình Hệ thống Nguồn lợi Tự nhiên (NRSP) do Bộ Phát triển Quốc tế Anh quốc cấp vốn, nhằm nghiên cứu và áp dụng các tri thức mới đối với các hệ nguồn lợi tự nhiên vì lợi ích của người nghèo <http://www.nrsp.co.uk/>

Ủy hội sông Mê-kông (xem trang 43) <http://www.mrcmekong.org/index.htm>

Trung tâm Nghiên cứu Nguồn lợi Thủy sinh (LARReC) - một cơ quan nghiên cứu thuộc chính phủ Lào, phụ trách việc nghiên cứu nguồn lợi thủy sinh <http://www.mekonginfo.org/partners/larrec/index.htm>

Trung tâm Phát triển Nghề cá Đông Nam Á (SEAFDEC) - tổ chức liên chính phủ giúp đẩy mạnh việc phát triển nghề cá khu vực <http://www.seafdec.org>

Tư liệu internet hữu ích khác

Quản lý Nguồn lợi Tự nhiên Dựa vào Cộng đồng ở Châu Á
<http://www.cbnrmasia.org/index.php>

Cơ quan quốc tế về Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc gia (lưu trữ)
<http://www.isnar.cgiar.org/index1.htm>

Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế (IIED)
<http://www.iied.org/>

Mạng lưới Quản lý Nguồn lợi Tự nhiên Dựa vào Cộng đồng
<http://www.cbnrm.net/>

Liên kết Quản lý Nguồn lợi Tự nhiên
<http://nrm.massey.ac.nz/changelinks/>

Cổng Thông tin Phát triển Eldis
<http://www.eldis.org/>

Giới thiệu về các cơ quan, tổ chức tham gia dự án

MRAG Ltd: Nhóm Đánh giá Nguồn lợi Biển là một công ty tư vấn của Anh được thiết lập nhằm thúc đẩy việc sử dụng bền vững các nguồn lợi tự nhiên thông qua các chính sách và các biện pháp thực tế quản lý hội nhập nổi tiếng. MRAG có một quá trình lịch sử dài và hiệu quả, có mặt trên 60 nước về công tác thiết kế và thực hiện các hệ thống quản lý nguồn lợi tổng hợp ở các môi trường biển, cửa biển, sông và các vùng thung lũng. Một đội ngũ cán bộ nòng cốt trên 30 chuyên gia có chuyên môn rộng, kinh nghiệm về thực hành và kỹ thuật, có thể cung cấp phương pháp tiếp cận đa dạng đáp ứng các loại dự án.

RDC: Ban Điều phối Phát triển Khu vực về Phát triển Vật nuôi và Thủy sản tại Nam Lào (RDC) là một tổ chức chính phủ điều phối sự phát triển vật nuôi và thủy sản tại 6 tỉnh phía nam của Lào và kết nối giữa các cơ quan bên ngoài và người dân. Mục tiêu cơ bản của RDC là quản lý nguồn lợi thủy sinh và RDC đã dùng phương pháp tiếp cận đầu vào và công nghệ thấp nhằm cho ra những kết quả nhanh, khi thành công được ghi nhận thì đó là chìa khóa để mở rộng những hoạt động phát triển khác.

WorldFish Center: Trung tâm Thủy sản Thế giới là một trung tâm học tập thế giới tập trung chủ yếu vào thủy sản và các nguồn lợi thủy sinh khác. Các mục tiêu của Trung tâm này bao gồm xoá đói giảm nghèo, giúp cho người dân có sức khỏe và cuộc sống tốt hơn, giảm áp lực với các nguồn lợi tự nhiên và các chính sách lấy con người là trung tâm để phát triển bền vững. Trung tâm Nghề cá Thế giới là một tổ chức tự quản phi lợi nhuận có ngân quỹ do các tổ chức cá nhân và chính phủ tài trợ và Trung tâm này là một thành viên của CGIAR (Nhóm Tư vấn về Học tập Nông nghiệp Quốc tế). CGIAR là một hiệp hội chính thức với hơn 60 thành viên thuộc khu vực tư nhân và nhà nước.

MRC: Ủy hội Sông Mê-kông là một tổ chức liên chính phủ được thiết lập năm 1995 do các chính phủ Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam. Mục tiêu của tổ chức này là hợp tác phát triển bền vững, sử dụng, quản lý và bảo vệ nguồn lợi lưu vực sông Mê Kông. Các chương trình trọng điểm của tổ chức này là kế hoạch sử dụng nguồn nước, phát triển môi trường và lưu vực sông. Trong số các chương trình chuyên ngành của tổ chức, Chương trình Thủy sản đã phấn đấu thiết lập và kết nối thông tin về thủy sản của vùng sông Mê Kông, trang bị và cung cấp thông tin cho việc thực hiện các chính sách và các chương trình phát triển, quản lý thủy sản trong từng quốc gia và khu vực.

Chính quyền bang Tây Ben-gan: Các Cục Nông nghiệp và Thủy sản là những cơ quan phát triển chính của Chính phủ Tây Ben-gan (Ấn Độ) nhằm phục vụ cho hơn 80 triệu dân. Các ban này đều làm công tác phát triển sản xuất thủy sản và nông nghiệp trong nước. Công việc này có sự tham gia của các ngành, có sự góp phần của công nghệ mới và các dịch vụ hỗ trợ khác.

CIFRI: Viện Nghiên cứu Thủy sản Nội địa Trung ương là một cơ quan hàng đầu tại Châu á trong lĩnh vực học tập, khuyến ngư và đào tạo về thủy sản nội địa. Viện được thành lập năm 1947, đây là một viện nghiên cứu thủy sản lâu đời nhất ở Ấn Độ với mục đích hỗ trợ công tác nghiên cứu để phát triển thủy sản cho nước này. Viện có chức năng chỉ đạo công tác điều tra đối với việc thăm định các nguồn lợi thủy sản nội địa trong nước và phát triển các công nghệ và chiến lược để sử dụng bền vững tối ưu nguồn lợi.

Địa chỉ liên hệ

Tại Luân Đôn (Anh)

TS. Caroline Garaway (c.garaway@ucl.ac.uk)

TS. Robert Arthur (r.arthur@mrag.co.uk)

MRAG Ltd Office. Email: enquiry@imrag.co.uk

RDC

Khamchanh Sidavong

Bounthong Saengvilaikham

Phansy Homekingkeo

RDC Office. Email: rdcsavan@laotel.com

RDC, PO Box 16, Savannakhet, Lao PDR

Phone/Fax: +856 (0)41 214520

WorldFish Center

TS Mark Prein (m.prein@cgiar.org)

TS Madan Dey (m.dey@cgiar.org)

WorldFish Center, PO Box 500

GPO 10670, Penang, Malaysia

Phone: +60 (0)4 626 1606

MRC

Wolf Hartmann (merops@laopdr.com)

Management of River & Reservoir Fisheries

in the Mekong Basin, PO Box 7035,

Vientiane, Lao PDR

Phone: +856 (0)21 223 436

Chính quyền Tây Ben-gan (Ấn Độ)

TS Sailendra Nath Biswas (drsnbiswas@vsnl.net)

Department of Fisheries West Bengal

Kolkata, West Bengal

Phone: +91 (0)33 2589 8244

TS Nirmal Saha (agrievln@cal2.vsnl.net.in)

TS S.K. Bardhan Roy (sumabroy@vsnl.net)

Department of Agriculture, West Bengal

Kolkata, West Bengal

Phone: +91 (0)33 2476 1492

CIFRI

TS Utpal Bhaumik, (utpal_bhaumik@yahoo.com)

Central Inland Fisheries Research Institute,

Barrackpore,

700—120, West Bengal

Phone: +91 (0)33 2592 1190



Government
of West Bengal



RDC